

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
HỒNG PHÚ**

Sinh viên thực hiện: NGUYỄN ÁNH TRANG

Lớp: Kế toán 41C

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

Bình Định, tháng 06 năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP
HỒNG PHÚ**

Sinh viên thực hiện: NGUYỄN ÁNH TRANG

Lớp: Kế toán 41C

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

Bình Định, tháng 06 năm 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp “Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú” là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn của ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh. Các nội dung, kết quả của đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Mọi số liệu của đề tài dùng để nhận xét, đánh giá được thu thập từ công ty, xuất phát từ tình hình thực tế tại đơn vị thực tập.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

Quy Nhơn, ngày 03 tháng 6 năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Ánh Trang

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ và tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Ánh Trang

Lớp: Kế Toán 41C

Khóa: 41

Tên cơ sở thực tập: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:

2. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:

- Cơ sở số liệu:

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

3. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày :

- Kết cấu của đề tài:

4. Những nhận xét khác :

II. Đánh giá cho điểm:

.....

Bình Định, ngày 03 tháng 06 năm 2022

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN PHẢN BIỆN

Họ và tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Ánh Trang

Lớp: Kế Toán 41C Khóa: 41

Tên cơ sở thực tập: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:

2. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:

- Cơ sở số liệu:

- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

3. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày :

- Kết cấu của đề tài:

4. Những nhận xét khác :

II. Đánh giá cho điểm:

.....
.....

Bình Định, ngày 03 tháng 06 năm 2022

Giảng viên phản biện

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT | viii |
| DANH MỤC CÁC BẢNG SỬ DỤNG..... | ix |
| DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH | x |
| LỜI MỞ ĐẦU..... | 1 |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP | 4 |
| 1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp..... | 4 |
| <i>1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu</i> | <i>4</i> |
| <i>1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu</i> | <i>4</i> |
| <i>1.1.3. Vai trò nguyên vật liệu.</i> | <i>4</i> |
| <i>1.1.4. Phân loại nguyên vật liệu</i> | <i>5</i> |
| <i>1.1.5. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu.....</i> | <i>6</i> |
| 1.2. Kế toán nguyên vật liệu. | 8 |
| <i>1.2.1. Khái niệm kế toán nguyên vật liệu.</i> | <i>8</i> |
| <i>1.2.2. Vai trò kế toán nguyên vật liệu.</i> | <i>9</i> |
| <i>1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.</i> | <i>9</i> |
| 1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu..... | 9 |
| <i>1.3.1. Chứng từ sử dụng.</i> | <i>9</i> |
| <i>1.3.2. Sổ sách kế toán.....</i> | <i>10</i> |
| <i>1.3.3. Phương pháp hạch toán chi tiết.</i> | <i>10</i> |
| 1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu..... | 15 |
| <i>1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên</i> | <i>15</i> |
| <i>1.4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.</i> | <i>22</i> |
| 1.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho..... | 25 |
| <i>1.5.1. Sự cần thiết của việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i> | <i>25</i> |
| <i>1.5.2. Nguyên tắc kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....</i> | <i>25</i> |
| <i>1.5.3. Tài khoản sử dụng</i> | <i>27</i> |
| <i>1.5.4. Sơ đồ kế toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu</i> | <i>27</i> |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP HỒNG PHÚ..... | 28 |
| 2.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú | 28 |
| <i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.....</i> | <i>28</i> |

| | |
|--|-----------|
| 2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú | 30 |
| 2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú. | 30 |
| 2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý tại Công Ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú. | 33 |
| 2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú | 35 |
| 2.2. Thực trạng về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú. | 38 |
| 2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty..... | 38 |
| 2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty. | 39 |
| 2.2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu. | 39 |
| 2.2.4. Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển chứng từ. | 41 |
| 2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu. | 52 |
| 2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu. | 60 |
| 2.3. Nhận xét chung về thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú. | 68 |
| 2.3.1. Ưu điểm. | 68 |
| 2.3.2. Nhược điểm. | 69 |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP HỒNG PHÚ | 70 |
| 3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú. | 70 |
| 3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú..... | 70 |
| 3.3. Một số kiến nghị đến tổ chức, cơ sở và cơ quan có thẩm quyền. | 82 |
| KẾT LUẬN..... | 83 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 84 |

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

| STT | CHỮ VIẾT TẮT | DIỄN GIẢI |
|-----|--------------|----------------------|
| 1 | BH | Bảo hiểm |
| 2 | BTC | Bộ tài chính |
| 3 | DNTN | Doanh nghiệp tư nhân |
| 4 | ĐC | Đá chẻ |
| 5 | ĐVT | Đơn vị tính |
| 6 | G | Gạch |
| 7 | GTGT | Giá trị gia tăng |
| 8 | HĐ | Hóa đơn |
| 9 | KPCĐ | Kinh phí công đoàn |
| 10 | NVL | Nguyên vật liệu |
| 11 | PC | Phiếu chi |
| 12 | QĐ | Quyết định |
| 13 | TK | Tài khoản |
| 14 | TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| 15 | TSCĐ | Tài sản cố định |
| 16 | TH | Tổng hợp |
| 17 | VNĐ | Việt Nam Đồng |
| 18 | XD | Xây dựng |
| 19 | XD CB | Xây dựng cơ bản |
| 20 | XM | Xi măng |

DANH MỤC CÁC BẢNG SỬ DỤNG

| | |
|---|----|
| Bảng 2.1. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty..... | 29 |
| Bảng 2.2. Cơ cấu nguồn vốn của công ty..... | 31 |
| Bảng 2.3. Bảng tình hình sử dụng TSCĐ của công ty tính đến 31/12/2021 | 32 |
| Bảng 2.4. Bảng tình hình lao động tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú năm 2022..... | 32 |

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH

| | |
|---|----|
| Sơ đồ 1.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song..... | 12 |
| Sơ đồ 1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển . | 13 |
| Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư | 15 |
| Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp NVL phương pháp kê khai thường xuyên . | 22 |
| Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 25 |
| Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán dự phòng hàng tồn kho | 27 |
| | |
| Sơ đồ 2.1. Quy trình thi công công trình | 33 |
| Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức kinh doanh..... | 34 |
| Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức quản lý | 34 |
| Sơ đồ 2.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán | 36 |
| Sơ đồ 2.5. Hình thức ghi sổ kế toán theo Chứng từ ghi sổ tại Công ty | 37 |
| | |
| Hình 3.1. Giao diện phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2021 | 71 |

LỜI MỞ ĐẦU

I. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn ra cùng với nền kinh tế thế giới đang có nhiều biến động đã đặt ra nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp. Và để hoàn thành nhiệm vụ phát triển nền kinh tế ổn định và giàu mạnh, mỗi doanh nghiệp đã không ngừng mở rộng quy mô, phát huy sức mạnh trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ. Trong đó, ngành xây dựng cơ bản luôn nỗ lực phấn đấu để trở thành một trong những ngành mũi nhọn, góp phần đưa nền công nghiệp trong nước phát triển.

Bên cạnh đó nền kinh tế thị trường hiện nay, môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt khiến các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì phải có những chiến lược kinh doanh hợp lý, cần sử dụng đồng bộ các công cụ kinh tế. Đối với các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là một trong ba yếu tố của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm với đặc điểm nổi bật là chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, bị tiêu hao toàn bộ và chuyển toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ. Hơn nữa, chi phí về các loại vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất. Do vậy, tăng cường công tác quản lý, công tác kế toán nguyên vật liệu, từ đó hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là yếu tố sống còn liên quan đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Ngoài ra, nguyên vật liệu còn là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng phản ánh trình độ quản lý, sử dụng vật tư, trình độ tổ chức công nghệ sản xuất sản phẩm, là cơ sở để tính đúng chi phí sản xuất cho từng đơn vị sản phẩm và tổng giá vốn hàng bán. Nhất là trong điều kiện kinh tế nhiều khó khăn như hiện nay, việc sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả là mục tiêu quan trọng để doanh nghiệp thu được nhiều lợi nhuận nhất. Vì vậy, hạch toán nguyên vật liệu hợp lý, sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trong lĩnh vực xây dựng và lắp đặt, nguyên vật liệu có chủng loại rất đa dạng, phong phú. Việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết trong hoạt động quản lý tài sản của doanh nghiệp. Hơn thế nữa, điều này còn giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí và giá thành sản phẩm, đồng thời giúp cho việc tổ chức công tác kế toán, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo yêu cầu quản lý và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú chuyên lĩnh vực xây dựng, trải qua gần 15 năm hình thành và phát triển công ty đã sớm vận dụng được cơ chế thị trường vào trong kinh doanh để đem lại hiệu quả kinh tế. Trong công ty, vấn đề kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà lãnh đạo quan tâm.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp, sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú, được sự giúp đỡ của các cô, chú, anh, chị trong phòng kế toán và được sự hướng dẫn tận tình của ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh, em quyết định chọn đề tài: “Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú” để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp với mong muốn tìm hiểu hoạt động kế toán nguyên vật liệu, qua đó đề xuất một số giải pháp của mình vào việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty trong thời gian tới.

II. Mục tiêu nghiên cứu.

Đề tài thực hiện nhằm các mục đích sau:

- Tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận và hạch toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp xây lắp.
- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.
- Từ những kiến thức đã học cùng với việc tìm hiểu thực tế đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện nội dung và phương pháp hạch toán nguyên vật liệu tại công ty.

III. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.
- Phạm vi nghiên cứu: Được thực hiện dựa trên số liệu nghiên cứu phát sinh thực tế của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú vào đầu năm 2022 để minh họa cho đề tài này.

IV. Phương pháp nghiên cứu.

Đề tài nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp thu thập và thống kê dữ liệu.
- Phương pháp so sánh, tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu.

V. Kết cấu của đề tài.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, báo cáo chuyên đề tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Do thời gian thực tập có hạn và sự hiểu biết của em còn hạn chế nên bài báo cáo của em không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, em rất mong được sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến

của quý thầy, cô trong khoa và Ban giám đốc, cán bộ phòng Tài chính- Kế toán của công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Em xin chân thành cảm ơn!

Quy Nhơn, ngày 03 tháng 06 năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Ánh Trang

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu

Theo Điều 25, Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là một trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng đã được thay đổi do lao động có ích của con người tác động vào nó. Trong các doanh nghiệp sản xuất thì NVL là tài sản dự trữ để sản xuất thuộc tài sản lưu động. NVL có những đặc điểm sau:

- Các nguyên vật liệu chỉ tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh (một chu kỳ sản xuất kinh doanh) và toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển trực tiếp vào sản phẩm, là cơ sở để tính giá thành.
- Nguyên vật liệu sẽ thay đổi về hình thái, không giữ nguyên được trạng thái ban đầu khi đưa vào sản xuất.
- Nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng trong các doanh nghiệp xây dựng rất đa dạng và phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật; được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như: mua ngoài, tự sản xuất, góp vốn,..., trong đó chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

1.1.3. Vai trò nguyên vật liệu.

- NVL là một yếu tố trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm, do vậy, chất lượng của nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu được đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng, chủng loại,... sẽ có tác động rất lớn đến chất lượng sản phẩm. Vì vậy, đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu cho sản xuất còn là một biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Nguyên vật liệu liên quan trực tiếp tới kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, là đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, cung ứng nguyên vật liệu kịp thời với giá cả hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Xét cả về mặt hiện vật lẫn giá trị, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ quá trình sản xuất nào, là một bộ phận quan trọng

của tài sản lưu động. Chính vì vậy, quản lý nguyên vật liệu chính là quản lý vốn sản xuất kinh doanh và tài sản của doanh nghiệp.

1.1.4. Phân loại nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều loại NVL có vai trò chức năng và đặc tính lý hóa khác nhau để tiến hành công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu. Phân loại nguyên vật liệu là căn cứ vào các tiêu thức nhất định để chia nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp thành từng loại, từng nhóm:

❖ Căn cứ vào vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất, nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng NVL chính khác nhau, ví dụ: ở doanh nghiệp cơ khí NVL chính là : sắt, thép,..; Doanh nghiệp xây dựng NVL chính là gạch, xi măng,..., và có thể sản phẩm của doanh nghiệp này làm nguyên vật liệu cho doanh nghiệp khác. Ngoài ra, NVL chính bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài với mục đích để tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra sản phẩm, hàng hoá.

- Vật liệu phụ: là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm thay đổi màu sắc, hình dáng, mùi vị hoặc dùng để bảo quản, phục vụ hoạt động của các tư liệu lao động hay phục vụ cho lao động (dầu nhờn, hồ keo, thuốc nhuộm, xà phòng, giẻ lau...).

- Nhiên liệu: Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như xăng, dầu, than, củi, ...

- Phụ tùng thay thế: là các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa và thay thế cho máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các vật liệu và thiết bị mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

- Phế liệu: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng hay bán ra ngoài như vải vụn, sắt vụn,...

- Vật liệu khác: bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên như bao bì, vật liệu đóng gói,...

Cách phân loại này là cơ sở để xác định định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại nguyên vật liệu; là cơ sở tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

❖ Căn cứ vào nguồn hình thành thì nguyên vật liệu được chia làm các nguồn:

- Nguyên vật liệu do mua ngoài.

- Nguyên vật liệu tự chế biến.

- Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến.

Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn cung cấp là căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất, là cơ sở để xác định giá nguyên vật liệu nhập kho.

❖ Căn cứ vào mục đích, công dụng của NVL có thể chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:
 - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
 - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
 - Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác: Nhượng bán, góp vốn liên doanh, biếu tặng,...

Cách phân loại này là căn cứ để kế toán tính toán và phân bổ chính xác giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho đối tượng khác nhau.

Tóm lại, căn cứ để phân loại nguyên vật liệu chỉ là tương đối, có trường hợp nguyên vật liệu phụ ở hoạt động này nhưng lại là nguyên vật liệu chính ở hoạt động hay doanh nghiệp khác. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau nên sẽ có cách phân loại khác nhau để phù hợp với doanh nghiệp mình nhằm đảm bảo tốt nhất cho việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu.

1.1.5. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu.

1.1.5.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho.

Nguyên tắc chung: Tính giá NVL được thực hiện dựa trên nguyên tắc giá thực tế (giá gốc) trong quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02.

Do nguyên vật liệu của doanh nghiệp được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, chi phí bỏ ra cho từng nguồn nhập là khác nhau, cho nên giá thực tế NVL nhập kho được tính riêng cho từng nguồn nhập.

❖ Đối với NVL mua ngoài:

$$\begin{array}{rcccl}
 \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} & & \text{Các khoản} \\
 \text{nguyên vật liệu} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & - & \text{giảm trừ} & + & \text{thuế không} \\
 \text{nhập kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{phát sinh} & & \text{(nếu có)} & & \text{được hoàn lại} \\
 & & & & & & & & \text{(nếu có)}
 \end{array}$$

Trong đó:

- Giá nhập kho được tính theo giá thực tế hay giá gốc.
- + Nếu DN kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá gốc không bao gồm thuế GTGT.

+ Nếu DN kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Giá gốc bao gồm thuế GTGT.

- Chi phí thu mua: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bốc xếp, bảo quản, phân loại, chi phí thuê kho bãi,...

❖ Đối với NVL tự sản xuất:

Giá thực tế NVL nhập kho = Giá thành sản xuất thực tế

❖ Đối với NVL thuê ngoài gia công chế biến:

| | | | | | | | | |
|------------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|--------------------|----------|------------------|
| Giá thực tế | | Giá mua | | Chi phí | | Chi phí gia | | Các khoản |
| nguyên vật liệu | = | ghi trên | + | mua hàng | + | công, chế | - | giảm trừ |
| nhập kho | | hóa đơn | | | | biến | | (nếu có) |

❖ Đối với NVL nhận từ nguồn góp vốn liên doanh:

Giá thực tế NVL nhập kho là giá trị thỏa thuận do các bên liên doanh cùng xác định cộng (+) với các chi phí tiếp nhận mà doanh nghiệp phải bỏ ra (nếu có).

1.1.5.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho.

Theo điều 23, Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định thực hiện các phương pháp tính giá xuất kho như sau:

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

| | | | | |
|--------------------|----------|---------------------|----------|------------------------|
| Trị giá NVL | | Số lượng NVL | | Đơn giá thực tế |
| xuất kho | = | xuất kho | x | bình quân |

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo 2 phương pháp sau:

- Phương pháp đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ:

Đơn giá bình

| | | | | |
|-------------------|----------|---------------------------------------|----------|--|
| quân cả kỳ | = | Giá trị thực tế NVL tồn đầu kỳ | + | Giá trị thực tế NVL nhập trong kỳ |
| dự trữ | | Số lượng NVL tồn đầu kỳ | + | Số lượng NVL nhập trong kỳ |

+ Ưu điểm: cách tính này đơn giản, dễ làm, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng loại NVL.

+ Nhược điểm: Độ chính xác không cao do không phản ánh kịp thời tình hình biến động NVL trong kỳ, công việc tính toán dồn vào cuối kỳ.

+ Điều kiện áp dụng: Phù hợp với DN có ít chủng loại NVL và số lần nhập xuất ít.

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập:

| | | |
|---------------------------------|---|---|
| Giá đơn vị bình quân | Giá trị thực tế NVL tồn kho trước lần nhập N | Giá trị thực tế NVL nhập kho + lần thứ N |
| NVL sau lần nhập N | Sản lượng NVL tồn kho trước lần nhập N | Sản lượng NVL nhập kho + lần thứ N |

$$\text{Giá đơn vị bình quân NVL sau lần nhập N} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn kho trước lần nhập N} + \text{Giá trị thực tế NVL nhập kho lần thứ N}}{\text{Sản lượng NVL tồn kho trước lần nhập N} + \text{Sản lượng NVL nhập kho lần thứ N}}$$

+ Ưu điểm: cách làm này có độ chính xác cao, đảm bảo tính kịp thời của số liệu và phản ánh được tình hình biến động giá cả NVL trong kỳ.

+ Nhược điểm: khối lượng công việc tính toán nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: phương pháp này thích hợp đối với những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, có lưu lượng nhập kho ít, giá cả ít biến động.

❖ Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá của lô hàng đó.

+ Ưu điểm: phương pháp này có độ chính xác cao, đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

+ Nhược điểm: đòi hỏi có đầy đủ số liệu về từng loại NVL do đó tốn nhiều công sức.

+ Điều kiện áp dụng: phương pháp này thường được sử dụng trong các doanh nghiệp có ít chủng loại NVL hoặc NVL ổn định và có thể nhận diện được.

❖ Phương pháp nhập trước- xuất trước:

Theo phương pháp này thì số lượng NVL nào nhập kho trước thì sẽ được xuất kho trước theo đúng giá nhập kho của NVL đó.

+ Ưu điểm: cách làm này đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

+ Nhược điểm: doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại trong trường hợp giá cả không ổn định, nếu chủng loại NVL nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến khối lượng công việc nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: Thích hợp đối với những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL.

1.2. Kế toán nguyên vật liệu.

1.2.1. Khái niệm kế toán nguyên vật liệu.

Kế toán nguyên vật liệu là nhiệm vụ theo dõi và ghi chép chi tiết tình hình thu mua, dự trữ nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Qua đó, phản ánh được chất lượng, số lượng

và chủng loại của nguyên vật liệu giúp cho người quản lý có thể đưa ra các biện pháp chính xác nhằm kiểm soát giá cả, chất lượng và số lượng nguyên vật liệu.

1.2.2. Vai trò kế toán nguyên vật liệu.

- Nghiệp vụ kế toán nguyên vật liệu giúp kiểm tra việc sử dụng và cung cấp nguyên vật liệu theo kế hoạch. Qua đó có thể đưa ra những phương pháp phù hợp nhằm đảm bảo đủ nguồn nguyên vật liệu chất lượng cho sản xuất hiệu quả nhất và góp phần thực hiện kế toán giá thành sản phẩm.

- Kế toán nguyên vật liệu còn giúp cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình sử dụng, số lượng và chất lượng nguyên vật liệu, giúp người lãnh đạo nắm bắt chính xác tình hình nhằm đưa ra những biện pháp điều chỉnh thiết thực.

1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.

Kế toán nguyên vật liệu là việc sử dụng các biện pháp công cụ trong kế toán để theo dõi tình hình nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Do đó, kế toán nguyên vật liệu phải thực hiện được các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán nguyên vật liệu. Đồng thời hướng dẫn các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu, phải hạch toán đúng chế độ, đúng phương pháp quy định để đảm bảo sự thống nhất trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, giúp cho việc hạch toán xác định chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu thực tế đưa vào sản xuất sản phẩm. Phân bổ chính xác nguyên vật liệu đã tiêu hao vào đối tượng sử dụng để từ đó giúp cho việc tính giá thành được chính xác.

- Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu.

1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

1.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03XKNB)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05-VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01/GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu 02-GTTT)
- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho (Mẫu 02 – BH)
- Hóa đơn cước phí vận chuyển (Mẫu 03 – BH)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu 03 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.3.2. Sổ sách kế toán.

- Đối với sổ chi tiết:

- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu số S12 – DN)
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Mẫu số S10 – DN)
- Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn.

- Đối với sổ tổng hợp:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Chứng từ ghi sổ, Sổ Nhật ký chứng từ...
- Sổ Cái TK 151, 152

1.3.3. Phương pháp hạch toán chi tiết.

Hiện nay chế độ kế toán quy định việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện ở phòng kế toán và được tiến hành theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

Mỗi phương pháp trên đều có những ưu, nhược điểm riêng trong việc ghi chép, kiểm tra đối chiếu số liệu, kế toán căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp về quy mô, trình độ yêu cầu quản lý, mức độ ứng dụng thích hợp để phát huy hiệu quả kế toán.

1.3.3.1. Phương pháp thẻ song song.

❖ Về nguyên tắc:

- + Ở kho: theo dõi nguyên vật liệu về mặt số lượng trên thẻ kho.
- + Ở bộ phận kế toán: theo dõi nguyên vật liệu về số lượng và giá trị trên sổ chi tiết nguyên vật liệu.

❖ Trình tự ghi sổ:

+ Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập, xuất vật tư thực tế phát sinh, thủ kho thực hiện việc ghi số lượng thực tế nhập, xuất vào chứng từ nhập, xuất. Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho thủ kho ghi số lượng nhập, xuất vật tư vào thẻ kho của loại vật tư có liên quan. Cuối ngày, thủ kho phải tiến hành cộng nhập, xuất tính ra số tồn kho trên từng thẻ kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho sắp xếp thẻ kho theo loại nhóm nguyên vật liệu và lập phiếu giao nhận chứng từ, sau đó chuyển những chứng từ đó cho phòng kế toán.

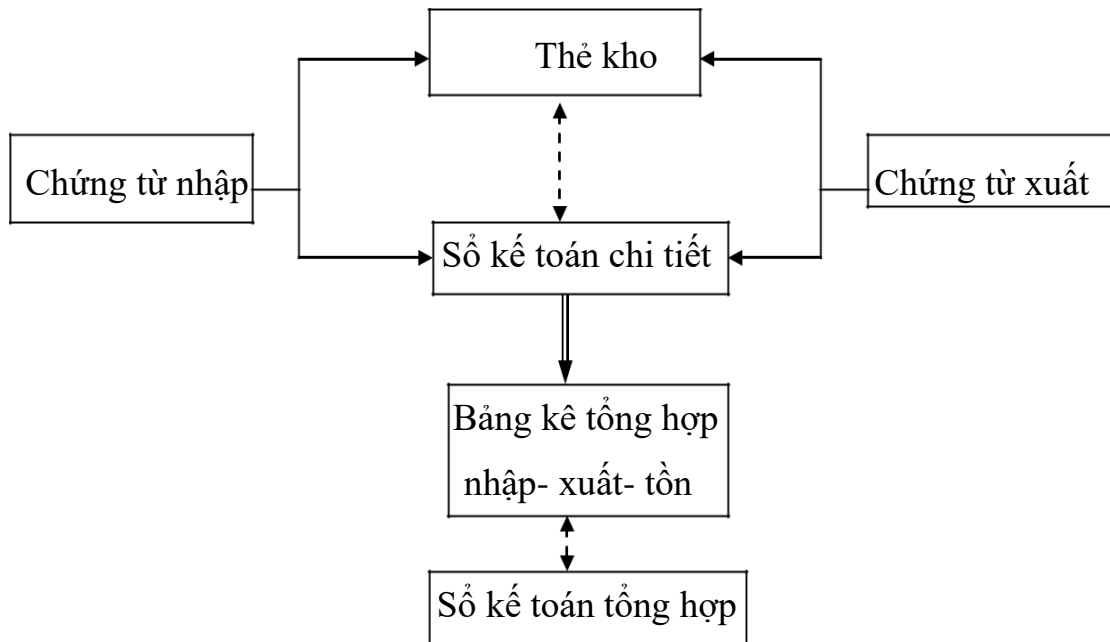
+ Tại bộ phận kế toán: Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho do thủ kho gửi lên, kế toán ghi sổ kế toán chi tiết NVL (kế toán theo dõi cả về số lượng và giá trị). Cuối kỳ kế toán đối chiếu số lượng với thủ kho, giữa thẻ kho với sổ kế toán chi tiết NVL, tính ra tổng số nhập - xuất - tồn kho của từng NVL. Số lượng NVL tồn kho phản ánh trên sổ kế toán chi tiết phải được đối chiếu khớp với số tồn kho ghi trên thẻ kho tương ứng. Sau khi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết NVL lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho NVL, số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp thẻ song song:

+ Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu để phát hiện sai sót.

+ Nhược điểm: Khối lượng ghi chép lớn, việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

1.3.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Về nguyên tắc:

+ Ở kho: Ghi chép theo dõi về mặt số lượng trên thẻ kho.

+ Ở bộ phận kế toán: Theo dõi cả về số lượng và giá trị trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Trình tự ghi sổ:

+ Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu về mặt số lượng.

+ Tại phòng kế toán:

- Kế toán mở “Sổ đối chiếu luân chuyển” để hạch toán số lượng và số tiền theo từng loại nguyên liệu, vật liệu và theo từng kho. Hằng ngày hoặc định kỳ, sau khi nhận được chứng từ tại kho, kế toán kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các bảng kê nhập, xuất cả về số lượng và giá trị theo từng loại nguyên vật liệu.

- Cuối tháng, kế toán tổng hợp số lượng và giá trị từng loại nguyên vật liệu đã nhập, xuất trong tháng và tiến hành vào sổ đối chiếu luân chuyển. Kế toán đối chiếu số liệu

nguyên vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại trên sổ đối chiếu luân chuyển với số liệu trên thẻ kho.

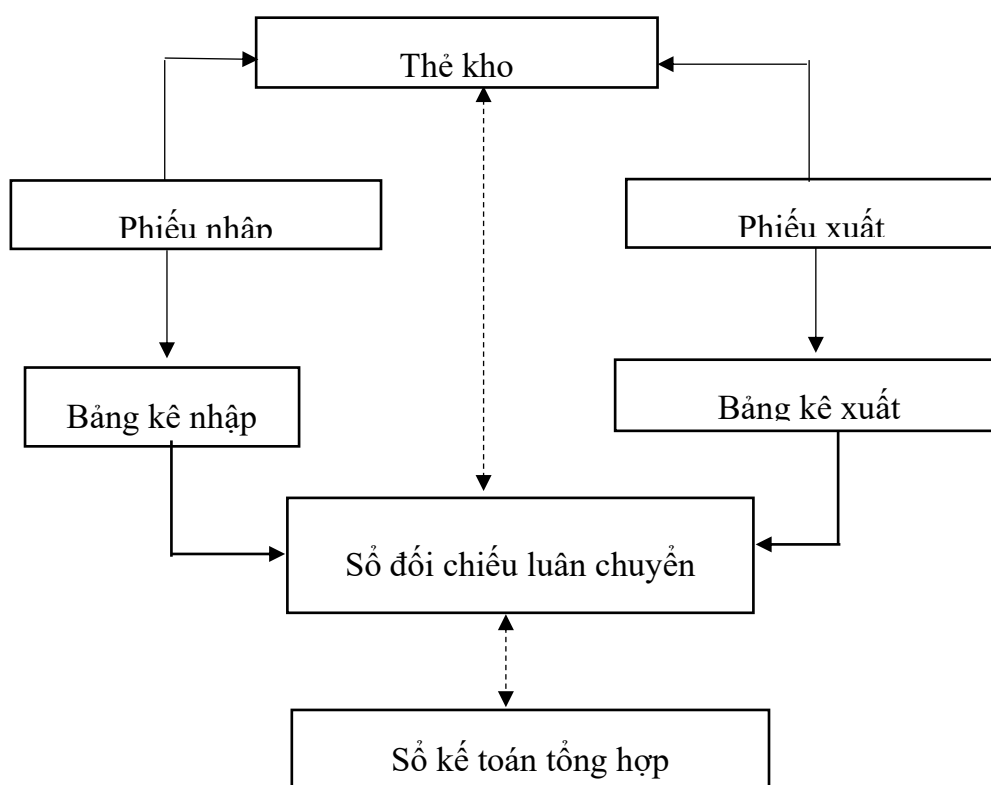
- Sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu khớp đúng, kế toán tiến hành tính tổng trị giá nguyên vật liệu nhập – xuất – tồn trong kỳ và tồn cuối kỳ. Số liệu này dùng để đối chiếu với số liệu trên sổ cái TK 152 “Nguyên vật liệu”.

- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này:

+ Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

+ Nhược điểm: Việc ghi sổ kế toán vẫn còn trùng lặp về chi tiêu số lượng giữa kho và phòng kế toán, ghi chép dồn vào cuối tháng nên hạn chế việc kiểm tra của kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện theo dõi, ghi chép thường xuyên tình hình nhập xuất NVL hàng ngày.



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày

—————> Ghi cuối tháng

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.3.3.3. Phương pháp sổ số dư.

- Về nguyên tắc:

+ Ở kho: Chỉ theo dõi về mặt số lượng nguyên vật liệu.

+ Ở phòng kế toán: Chỉ theo dõi về mặt giá trị nguyên vật liệu.

- Trình tự ghi sổ:

+ Tại kho:

- Ngoài việc sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập – xuất vật tư hàng ngày, thủ kho còn phải ghi sổ số dư của số lượng của từng thứ vật tư hàng hóa tồn kho cuối tháng. Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho. Mỗi thứ vật tư được theo dõi 1 dòng cho cả năm.

- Cuối tháng thủ kho lấy lấy số dư trên thẻ kho để ghi vào cột số lượng trong sổ số dư sau đó chuyển cho kế toán.

+ Tại bộ phận kế toán:

- Căn cứ vào chứng từ nhập xuất do thủ kho chuyển sang, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp số tiền của các chứng từ nhập xuất, ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm NVL vào bảng lũy kế nhập xuất tồn. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ.

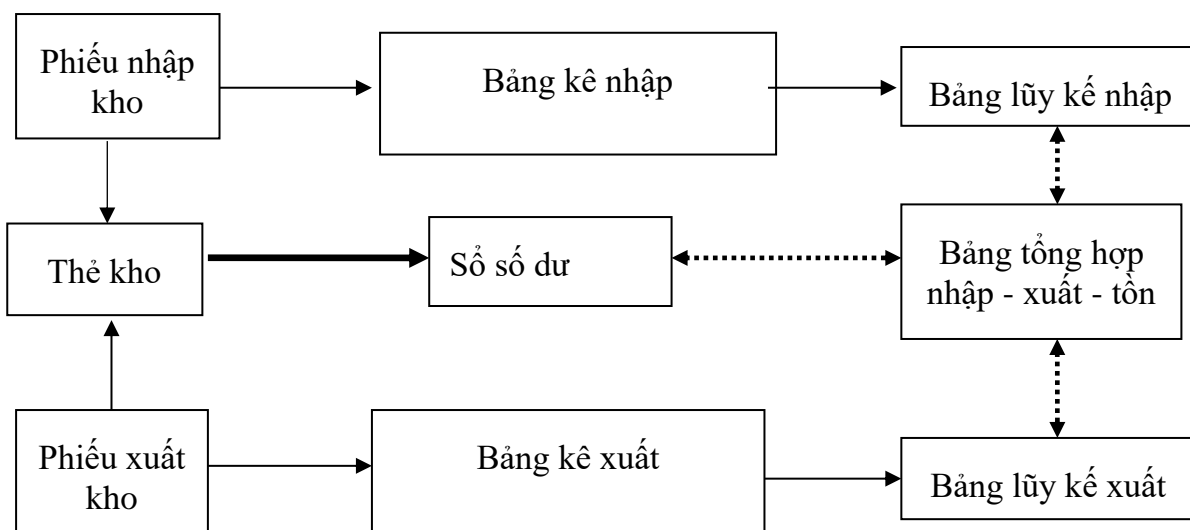
- Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm NVL. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư của từng thứ NVL trên Sổ số dư (trên Sổ số dư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho x giá hạch toán).

- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này:

+ Ưu điểm: Giảm được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và bộ phận kế toán, công việc kế toán được thực hiện đều đặn trong tháng, kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với nhập xuất NVL.

+ Nhược điểm: Khi sai sót rất khó kiểm tra, yêu cầu trình độ nhân viên ở kho và bộ phận kế toán cao.

- Điều kiện áp dụng: Phù hợp với doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu và việc nhập xuất vật diễn ra thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đơn giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư, hàng hoá và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, hàng hoá hợp lý.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp số số dư

1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành, việc hạch toán nguyên vật liệu có thể áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.1.1. Khái niệm và tài khoản sử dụng.

❖ Khái niệm:

Theo Điều 23, Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hóa. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 152: “ Nguyên liệu, vật liệu” TK này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm NVL theo giá trị vốn thực tế.

Kết cấu TK 152:

- Bên nợ phản ánh

+ Trị giá vốn thực tế của NVL nhập trong kỳ.

+ Số tiền điều chỉnh tăng NVL khi đánh giá lại.

+ Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm tra.

- Bên có phản ánh

+ Trị giá vốn thực tế của NVL giảm trong kỳ do xuất dùng.

+ Số tiền giảm giá, trả lại NVL khi mua.

+ Số tiền điều chỉnh giảm giá NVL khi đánh giá lại.

+ Trị giá NVL thiếu phát hiện khi kiểm kê.

- Dư nợ: Phản ánh giá trị thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ.

• TK 151: Hàng mua đi đường: Tài khoản này dùng để theo dõi trị giá vật tư, hàng hoá doanh nghiệp đã mua, đã thanh toán tiền hoặc đã chấp nhận thanh toán nhưng chưa nhập kho và hàng đang đi đường cuối tháng trước, tháng này đã nhập kho.

- Bên nợ phản ánh: Giá trị hàng đi đường tăng.

- Bên có phản ánh: Giá trị vật tư hàng hoá đi đường tháng trước, tháng này đã về nhập kho hay đưa vào sử dụng ngay.

- Dư nợ: Phản ánh giá trị vật tư hàng hoá đang đi đường cuối kỳ.

1.4.1.1. Kế toán biến động tăng, giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1. Khi mua nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (giá mua chưa có thuế GTGT).

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331).

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (tổng giá thanh toán).

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

2. Kế toán nguyên vật liệu trả lại cho người bán, khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được khi mua nguyên vật liệu:

- Trường hợp trả lại nguyên vật liệu cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

- Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua nguyên, vật liệu (kể cả các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế về bản chất làm giảm giá trị bên mua phải thanh toán) thì kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của nguyên vật liệu để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số nguyên vật liệu còn tồn kho, số đã xuất dùng cho sản xuất sản phẩm hoặc cho hoạt động đầu tư xây dựng hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (nếu NVL còn tồn kho).

Có các TK 621, 623, 627, 154 (nếu NVL đã xuất dùng cho sản xuất).

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang (nếu NVL đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng).

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu sản phẩm do NVL đó cấu thành đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ).

Có các TK 641, 642 (NVL dùng cho hoạt động bán hàng, quản lý).

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

3. Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho doanh nghiệp thì kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán; hoặc

Có các TK 111, 112, 141,...

- Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hóa đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

4. Khi trả tiền cho người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán.

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (chiết khấu thanh toán).

5. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu

- Khi nhập khẩu nguyên vật liệu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312) (nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu không được khấu trừ).

Có TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu).

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

6. Các chi phí về thu mua, bốc xếp, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về kho doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331).

Có các TK 111, 112, 141, 331,...

7. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, 141,...

- Khi nhập lại kho số nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

8. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu để tự chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu đã tự chế, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

9. Đối với nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

- Khi có quyết định xử lý nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện trong kiểm kê, căn cứ vào quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

Có các tài khoản có liên quan.

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số nguyên liệu, vật liệu thừa là của các doanh nghiệp khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152 thì không ghi vào bên Có tài khoản 338 (3381) mà doanh nghiệp chủ động ghi chép và theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642,...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

11. Xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

12. Đối với nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết: Khi xuất nguyên liệu, vật liệu, ghi:

Nợ các TK 221, 222 (theo giá đánh giá lại).

Nợ TK 811 - Chi phí khác (giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ).

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (theo giá trị ghi sổ).

Có TK 711 - Thu nhập khác (giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ).

13. Khi xuất nguyên liệu, vật liệu dùng để mua lại phần vốn góp tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi:

- Ghi nhận doanh thu bán nguyên vật liệu và khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi:

Nợ các TK 221, 222 (theo giá trị hợp lý).

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp.

- Ghi nhận giá vốn nguyên vật liệu dùng để mua lại phần vốn góp tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi.

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

14. Đối với nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý).

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (người phạm lỗi nộp tiền bồi thường).

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (tiền bồi thường của người phạm lỗi).

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (trừ tiền lương của người phạm lỗi).

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu, vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán).

Có TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý).

15. Đối với nguyên vật liệu, phế liệu ứ đọng, không cần dùng

- Khi thanh lý, nhượng bán nguyên vật liệu, phế liệu, kế toán phản ánh giá vốn ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán;

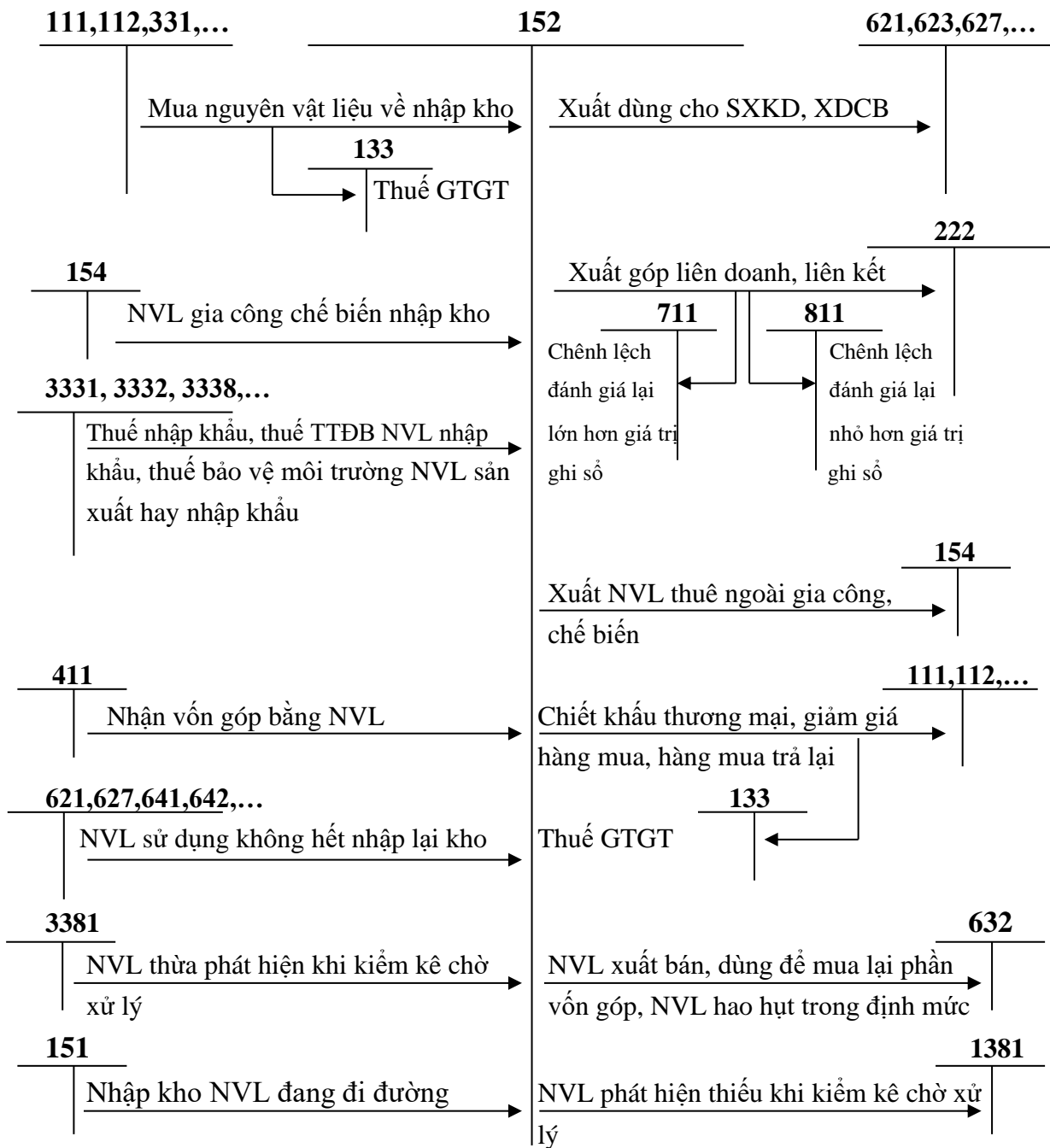
Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Kế toán phản ánh doanh thu bán nguyên vật liệu, phế liệu, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131;

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5118);

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán tổng hợp NVL phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.4.2.1. Khái niệm và tài khoản sử dụng.

❖ **Khái niệm:**

Theo Điều 23, Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho

cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ.

❖ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 611 “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu hàng hóa mua vào trong kỳ.

Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

TK 6111- Mua nguyên, vật liệu

TK 6112- Mua hàng hóa

Nội dung, kết cấu tài khoản 611: Tài khoản chi phí không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá thực tế nguyên vật liệu mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ, hoặc trị giá thực tế hàng hóa xuất bán.

1.4.2.2. Kế toán biến động tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1. Đầu kỳ kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn đầu kỳ:

Nợ TK 611- Trị giá thực tế NVL nhập kho

Có TK 151, 152

2. Trong kỳ, khi mua NVL căn cứ vào hóa đơn, chứng từ mua hàng, phiếu nhập kho:

Nợ TK 611- Trị giá thực tế hàng nhập kho

Nợ TK 133-Theo phương pháp khấu trừ

Có TK 111, 112, 141, 331- Tổng tiền thanh toán

3. Doanh nghiệp được cấp phát vốn, nhận góp vốn liên doanh bằng giá trị NVL

Nợ TK 611-Trị giá NVL nhập kho

Có TK 411

4. Nhập kho NVL do thu hồi góp vốn, căn cứ vào giá trị NVL do hội đồng liên doanh đánh giá:

Nợ TK 611

Có TK 222- Vốn góp liên doanh

5. Cuối kỳ căn cứ kết quả kiểm kê giá trị NVL tồn cuối kỳ

Nợ TK 152

Có TK 611- Mua hàng

6. Hàng mua được hưởng giảm giá, giá trị nguyên vật liệu trả lại người bán chấp nhận:

Nợ TK 152

Có TK 611- Mua hàng

Có TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

7. Căn cứ biên bản xác định giá trị NVL thiếu hụt, mất mát, và biên bản xử lý, ghi:

Nợ TK 1388- Phải thu khác

Nợ TK 111- Tiền mặt

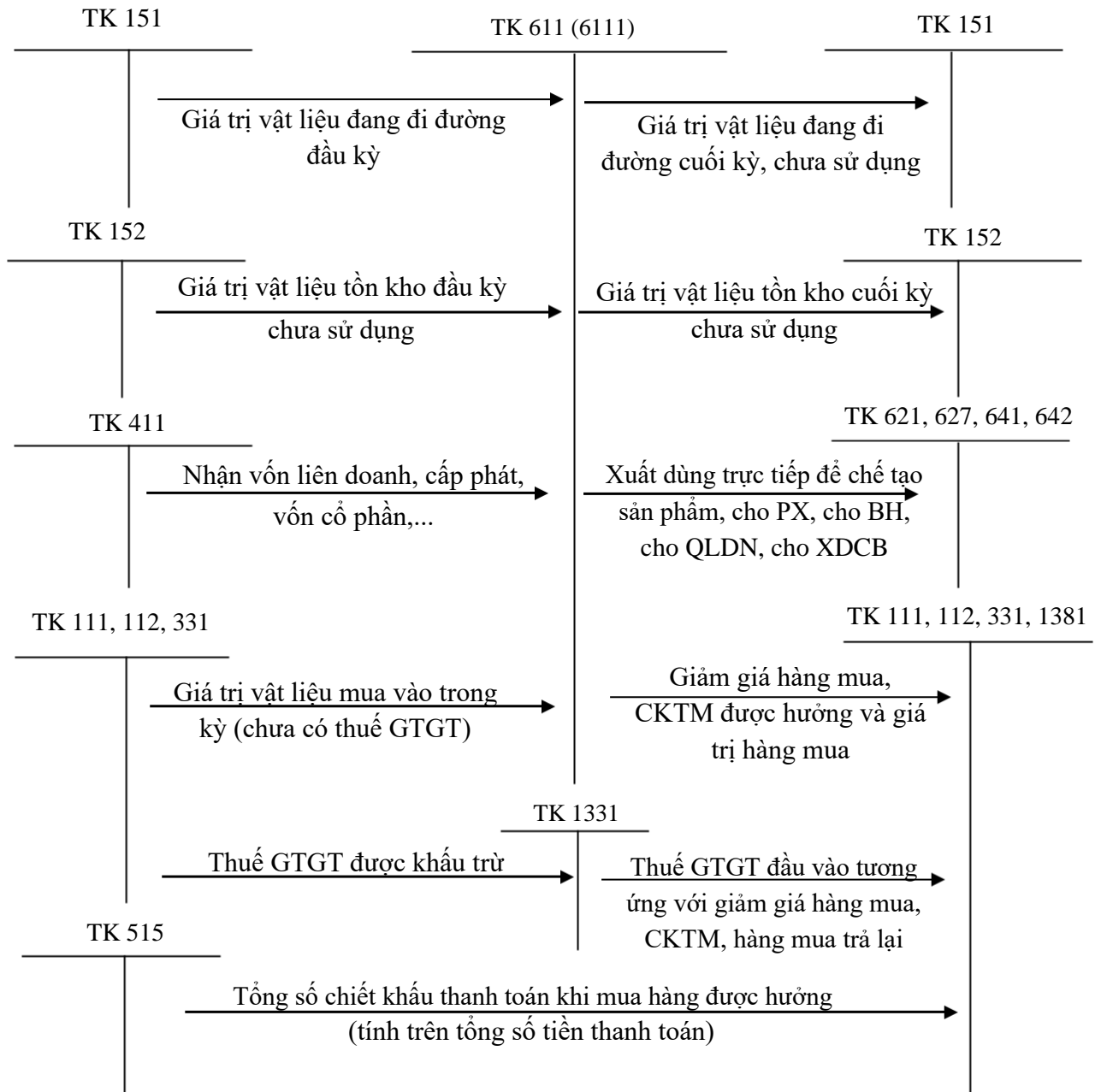
Nợ TK 334- Phải trả CNV

Có TK 611- Mua hàng

8. Giá trị NVL xuất dùng trong kỳ

Nợ TK 621, 627, 641,642,241- Sử dụng trong sản xuất, kinh doanh

Có TK 611- Trị giá NVL



Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.5.1. Sự cần thiết của việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

1.5.2. Nguyên tắc kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo Điều 4, Thông tư 48/2019/TT-BTC thì đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa kho bảo thuế, thành phẩm (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc

ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

+ Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng hợp lý khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+ Là hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

- Doanh nghiệp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập BCTC. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

- Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hóa, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

- Theo Điều 4, Thông tư 48/2019/TT-BTC thì công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư,} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư, hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập BCTC} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{ll} \text{Giá gốc hàng} & \text{Giá trị thuần có thể} \\ \text{tồn kho theo} & \text{thực hiện được của} \\ \text{sổ kế toán} & \text{hàng tồn kho} \end{array} \right\}$$

1.5.3. Tài khoản sử dụng

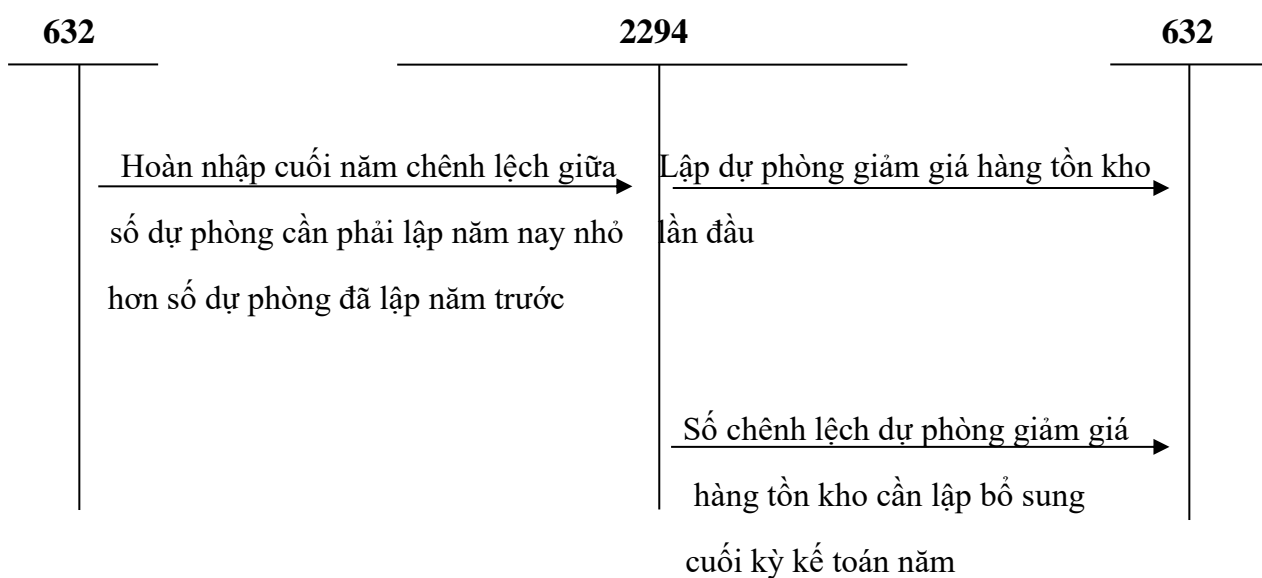
Tài khoản chi tiết **2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Bên Nợ : Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết

Bên Có : Trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư Có : Giá trị giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

1.5.4. Sơ đồ kế toán các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán dự phòng hàng tồn kho

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP HỒNG PHÚ

2.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

2.1.1.1. Tên, địa chỉ công ty.

- Tên công ty: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.
- Tên viết tắt: CÔNG TY TNHH XD TH HỒNG PHÚ
- Địa chỉ công ty: Thôn Phú Gia, xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH ngoài Nhà nước
- Mã số thuế: 4100471666
- Quản lý bởi: Chi cục Thuế khu vực Phù Cát- Phù Mỹ
- Đại diện pháp lý: Nguyễn Văn Nhi
- Giấy phép kinh doanh: 4100471666
- Ngày hoạt động: 30/03/2007
- Lĩnh vực: Xây nhà các loại,...
- Vốn điều lệ: 3.500.000.000 đồng.

2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các mốc quan trọng.

Xây dựng nền kinh tế nước ta phát triển nhiều ngành nghề, thì nhu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng là rất lớn và quan trọng. Để đáp ứng được nhu cầu xây dựng dân dụng công nghiệp, cơ sở hạ tầng, công trình,... phục vụ cho xã hội góp phần phát triển kinh tế thì hàng loạt các đơn vị xây dựng được thành lập.

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú được thành lập và bắt đầu đi vào hoạt động vào ngày 30/03/2007 theo Luật doanh nghiệp (755 Luật Doanh nghiệp) và hoạt động theo loại hình công ty TNHH ngoài Nhà nước.

Qua gần 15 năm hoạt động, công ty đã có sự phát triển nhất định, khẳng định vị thế của mình trong khu vực tỉnh Bình Định. Ngoài ra, bằng chính sự nỗ lực, cố gắng của mình mà công ty ngày càng tạo được sự tin tưởng, uy tín và lòng tin đối với khách hàng.

2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty.

Tổng số vốn kinh doanh của công ty tính đến ngày 31/12/2021 là 4.936.522.265 đồng, trong đó:

- Tổng tài sản: 4.936.522.265 đồng
- + Tài sản ngắn hạn: 4.045.315.810 đồng

- + Tài sản dài hạn: 891.206.455 đồng
 - Tổng nguồn vốn: 4.936.522.265 đồng
 - + Nợ phải trả: 1.135.366.541 đồng
 - + Vốn chủ sở hữu: 3.801.155.724 đồng
- Về lao động: Công ty có tổng thể là 115 người, cụ thể:
- Nhân viên văn phòng: 7 người.
 - Nhân viên kỹ thuật công trình: 10 người
 - Thủ kho: 3 người.
 - Công nhân thi công: 80 người.
 - Nhân công cơ giới : 15 người

Công ty làm theo hình thức khoán lao động nên số lượng lao động thi công công trình của công ty nhiều hay ít tùy thuộc vào công trình lớn hay nhỏ.

Như vậy, căn cứ vào điều 6, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì quy mô hiện tại của công ty thuộc quy mô vừa.

2.1.1.4. Kết quả kinh doanh của công ty, đóng góp vào ngân sách của công ty qua các năm.

Bảng 2.1. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

(Đơn vị tính: Việt Nam Đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1. Tổng doanh thu | 1.889.488.830 | 8.583.196.973 | 6.282.647.828 |
| 2. Tổng chi phí | 1.980.261.124 | 8.488.512.660 | 6.068.207.225 |
| 3. Lợi nhuận kế toán trước thuế | (90.772.294) | 94.684.313 | 214.440.603 |
| 4. Thuế TNDN | 0 | 13.255.804 | 42.888.121 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế | (90.772.294) | 81.428.509 | 171.552.482 |

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Nhận xét:

Nhìn vào số liệu của bảng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, ta thấy: Tổng doanh thu qua 3 năm có sự biến động, trong đó năm 2021 chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhiều nhất đã làm cho tổng doanh thu năm 2021 chỉ có 1.889.488.830 đồng. Chính vì điều này đã làm cho lợi nhuận sau thuế qua 3 năm từ năm 2019 đến 2021 có sự thay đổi theo chiều hướng giảm dần 3 qua năm. Ta có thể thấy rằng đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến công ty, đặc biệt là năm 2021 lợi nhuận của công ty giảm sút rõ

rệt. Như vậy, có thể thấy rằng vì tình hình dịch bệnh mà đã ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình kinh doanh, sản xuất của công ty.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

2.1.2.1. Chức năng.

Công ty có các chức năng kinh doanh về cung cấp các dịch vụ xây dựng chủ yếu như: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước; chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình,...

Thông qua đó thúc đẩy phát triển nền kinh tế, đảm bảo tăng doanh thu, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng mức đóng góp ngân sách Nhà nước và đáp ứng được yêu cầu phát triển Công ty.

2.1.2.2. Nhiệm vụ.

- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích hoạt động của công ty.

- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác kinh tế.

- Đoàn kết, giúp đỡ công nhân viên phát triển sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, chính sách đối với người lao động, thực hiện hợp tác cạnh tranh lành mạnh.

- Xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý cũng như bộ phận trực tiếp thi công công trình đều đi vào hoạt động có nề nếp, khoa học nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau để nâng cao kết quả kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế, tất cả vì mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của công ty.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

2.1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu của công ty.

- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước).
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Cho thuê xe có động cơ.

2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của công ty.

❖ Thị trường đầu vào.

Công ty có các nhà cung cấp lâu năm cung cấp cát, đá, sắt, thép, xi măng,... Các nhà cung cấp này đa phần ở trong tỉnh Bình Định:

- Về cung cấp xi măng có Công ty TNHH Sơn Quân, DNTN Minh Hiếu,...
- Về cung cấp dầu Diesel có DNTN TM Hoàng Tín,...
- Về cung cấp đá có Công ty XD Thuận Đức,...
- Về cung cấp gạch, tôn, xà gồ có Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Kim Trinh,...

❖ Thị trường đầu ra.

Công ty thực hiện thi công các công trình dân dụng như nhà ở là chủ yếu trong địa bàn tỉnh Bình Định. Ngoài ra, công ty còn thực hiện các gói thầu của chủ đầu tư các công trình về giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng,...

2.1.3.3. Đặc điểm vốn kinh doanh của công ty.

Nguồn vốn kinh doanh của công ty được huy động từ cả bên trong lẫn bên ngoài.

Số vốn điều lệ là: 3.500.000.000 đồng.

Bảng 2.2. Cơ cấu nguồn vốn của công ty

(Đơn vị tính: Việt Nam Đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2020 | Chênh lệch | |
|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| | | | Tuyệt đối | Tương đối (%) |
| Nợ phải trả | 1.135.366.541 | 1.337.187.526 | (201.820.985) | (15,09) |
| Vốn chủ sở hữu | 3.801.155.724 | 3.904.747.964 | (103.592.240) | (2,65) |
| Tổng nguồn vốn | 4.936.522.265 | 5.241.935.490 | (305.413.225) | (5,83) |

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Nhận xét:

Nhìn vào số liệu của bảng cơ cấu nguồn vốn ta thấy: Nợ phải trả của công ty ở năm 2021 so với năm 2020 giảm 201.820.985 đồng, tương ứng giảm 15,09%. Vốn chủ sở hữu của công ty cũng giảm xuống 103.592.240 đồng, tương ứng giảm 2,65%. Chính sự giảm sút của hai yếu tố này đã làm cho tổng nguồn vốn của năm 2021 so với năm 2020 giảm 305.413.225 đồng, tương ứng giảm 5,83%. Điều này cho thấy công ty tăng cường huy động vốn từ bên ngoài lẫn bên trong chưa đạt hiệu quả.

2.1.3.4. Đặc điểm về các nguồn lực chủ yếu của công ty.

❖ Đặc điểm về tài sản cố định.

Tại công ty, TSCĐ bao gồm nhiều loại như: Nhà cửa -vật kiến trúc, máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý và các TSCĐ hữu hình khác.

Bảng 2.3. Bảng tình hình sử dụng TSCĐ của công ty tính đến 31/12/2021

(Đơn vị tính: Việt Nam Đồng)

| STT | Tên TSCĐ | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|-----|--------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Máy móc, thiết bị | 1.207.478.473 | 473.811.803 | 733.666.670 |
| 2 | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 45.795.927 | 12.085.037 | 33.710.890 |
| 3 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 31.990.000 | 24.413.197 | 7.576.803 |
| | Tổng | 1.285.264.400 | 510.310.037 | 774.954.363 |

(Nguồn: Phòng tài chính- Kế toán)

❖ Đặc điểm về lao động

Lao động là một trong những yếu tố cơ bản trong kinh doanh, sử dụng lao động hiệu quả sẽ góp phần tăng năng suất, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, thúc đẩy xí nghiệp đi lên và nâng cao đời sống cho doanh nghiệp.

Bảng 2.4. Bảng tình hình lao động tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú năm 2022

(Đvt: người)

| Tiêu thức phân loại | Số người | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------|------------|------------|
| - Theo trình độ lao động | | |
| + Đại học | 13 | 11,30 |
| + Cao đẳng | 7 | 6,09 |
| + Lao động phổ thông | 95 | 82,61 |
| - Theo giới tính | | |
| + Lao động nam | 77 | 66,96 |
| + Lao động nữ | 38 | 33,04 |
| Tổng số lao động | 115 | 100 |

(Nguồn: Phòng Tài chính-Kế toán)

Số lượng lao động tương đối phù hợp với quy mô và chức năng của công ty. Lao động công ty có trình độ, năng lực, chuyên môn phù hợp với từng vị trí công việc.

Công ty làm theo hình thức khoán lao động nên số lượng lao động thi công công trình của công ty nhiều hay ít tùy thuộc vào công trình lớn hay nhỏ.

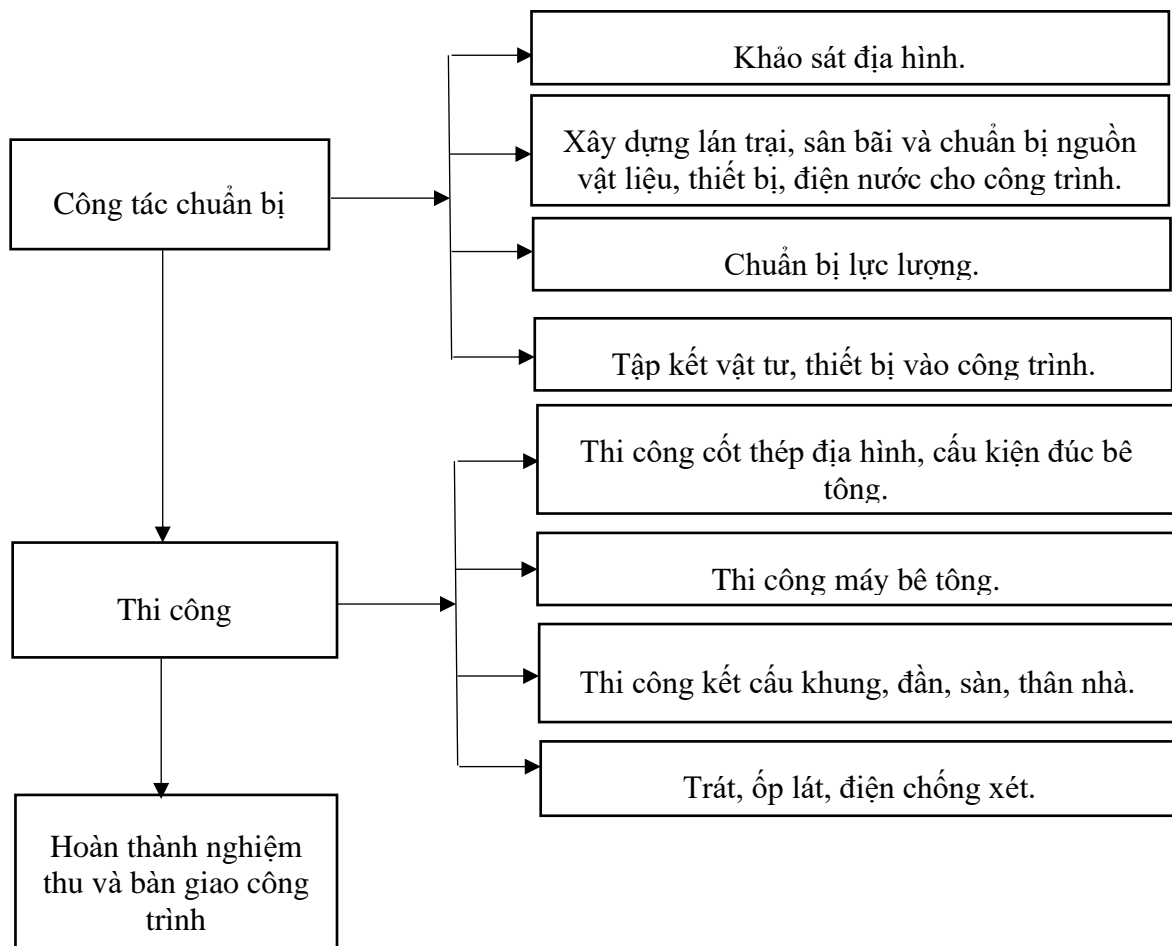
2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý tại Công Ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty.

❖ Quy trình công nghệ sản xuất.

Cũng như những công trình xây lắp khác, Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú luôn coi trọng quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp để tạo ra được các công trình có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu và mong muốn của khách hàng .

Có thể tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại công ty qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1. Quy trình thi công công trình

(Nguồn: Phòng kỹ thuật)

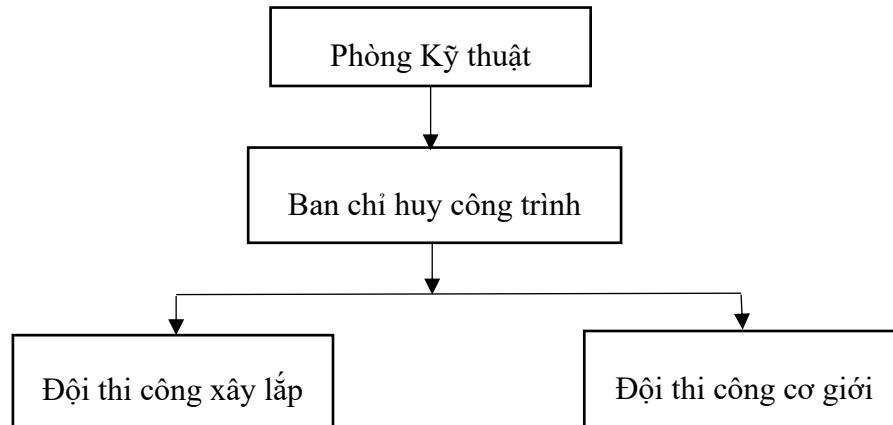
❖ Giải thích sơ đồ quy trình thi công công trình.

- **Công tác chuẩn bị:** Sau khi trúng thầu thì bộ phận thi công sẽ tiến hành khảo sát địa hình để chuẩn bị lực lượng, vật tư, thiết bị cần thiết phục vụ cho công trình.

- **Thi công:** Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt thì các đội thi công sẽ tiến hành thực hiện công trình theo thiết kế đã định sẵn.

- **Hoàn thành nghiệm thu và bàn giao công trình:** Khi công trình đã hoàn thành thì phòng kỹ thuật sẽ cử bộ phận kỹ thuật công trình tiến hành kiểm tra chất lượng công trình xem thử đã đúng với thiết kế hay không. Nếu được bộ phận kỹ thuật công trình thông qua thì phòng kỹ thuật sẽ tiến hành lập hồ sơ hoàn thành, biên bản nghiệm thu theo đúng quy định và bàn giao công trình. Sau đó sẽ chuyển hồ sơ, biên bản đó tới phòng tài chính-kế toán để kế toán tính toán và tập hợp chi phí cho công trình đã hoàn thành.

❖ **Sơ đồ cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.**

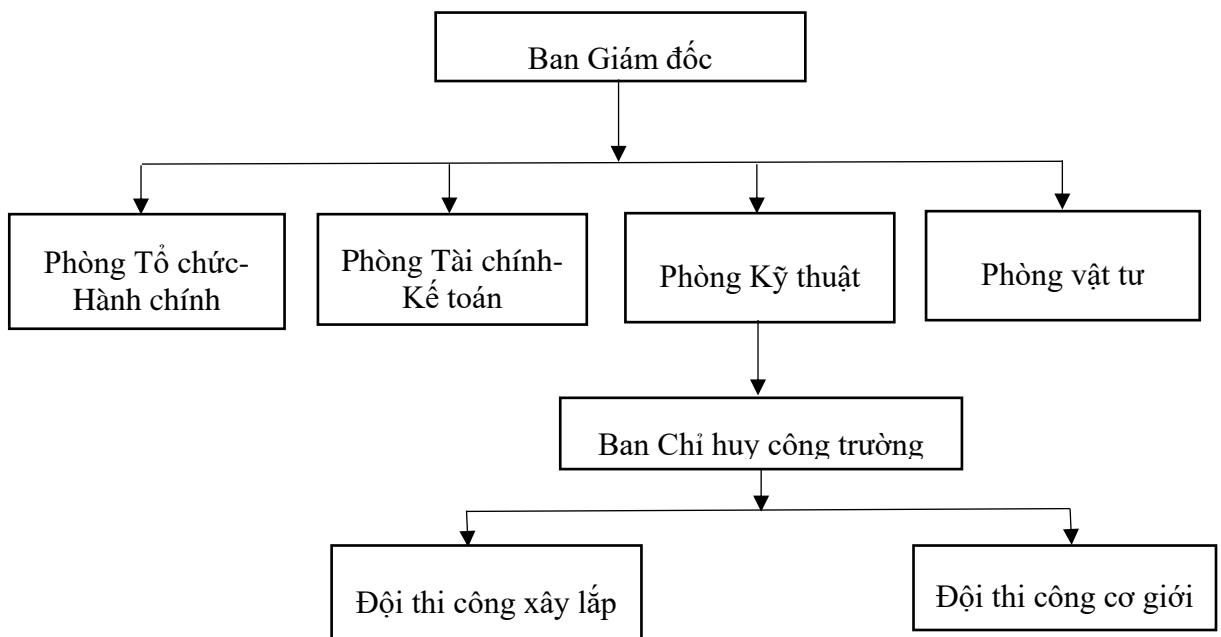


Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức kinh doanh

(Nguồn: Phòng Kỹ thuật)

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý.

❖ **Sơ đồ tổ chức quản lý.**



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức quản lý

(Nguồn: Phòng Tổ chức- Hành chính)

❖ **Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý.**

- **Ban Giám đốc:** Giám đốc công ty là đại diện pháp nhân của công ty, tổ chức điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước. Là người lãnh đạo cao nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

- **Phòng Tổ chức- Hành chính:** Bộ phận này chịu trách nhiệm về tình hình nhân sự của công ty. Có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, quản lý và tuyển dụng nhân sự, bố trí các lao động ở vị trí việc làm phù hợp để đảm bảo nguồn nhân lực cho sản xuất. Có trách nhiệm về các loại văn bản, giấy tờ, hồ sơ, sổ sách trong công ty. Triển khai các nội quy của công ty, hoạt động khen thưởng, phúc lợi. Tổ chức hội nghị, tiếp khách, tiếp nhận và lưu trữ công văn...

- **Phòng Tài chính-Kế toán:** Là phòng nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu cho Giám đốc về quản lý hoạt động tài chính, hướng dẫn việc kiểm soát, việc thực hiện hạch toán kế toán của công ty. Phòng có nhiệm vụ chủ yếu là quản lý, theo dõi tình hình sử dụng vốn và tài sản của Công ty. Tổng hợp các số liệu, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn, đảm bảo quyền chủ động trong kinh doanh. Đề nghị các biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

- **Phòng Kỹ thuật:** Kiểm tra, giám sát chất lượng của công trình thi công, kịp thời khắc phục, xử lý những vấn đề gặp phải khi thi công,...

- **Phòng Vật tư:** Thông qua phòng kỹ thuật giám sát, quản lý việc sử dụng vật tư tại các công trường, cung ứng vật tư đầy đủ, kịp thời nhằm đảm bảo tiến độ thi công.

- **Ban chỉ huy công trường:** Nhận sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc; giám sát việc thi công, đảm bảo thi công đúng tiến độ, đúng kỹ thuật,...

- **Đội thi công xây lắp:** Hoạt động dưới sự chỉ đạo của phòng kỹ thuật và ban chỉ huy công trường. Chịu trách nhiệm thi công công trình.

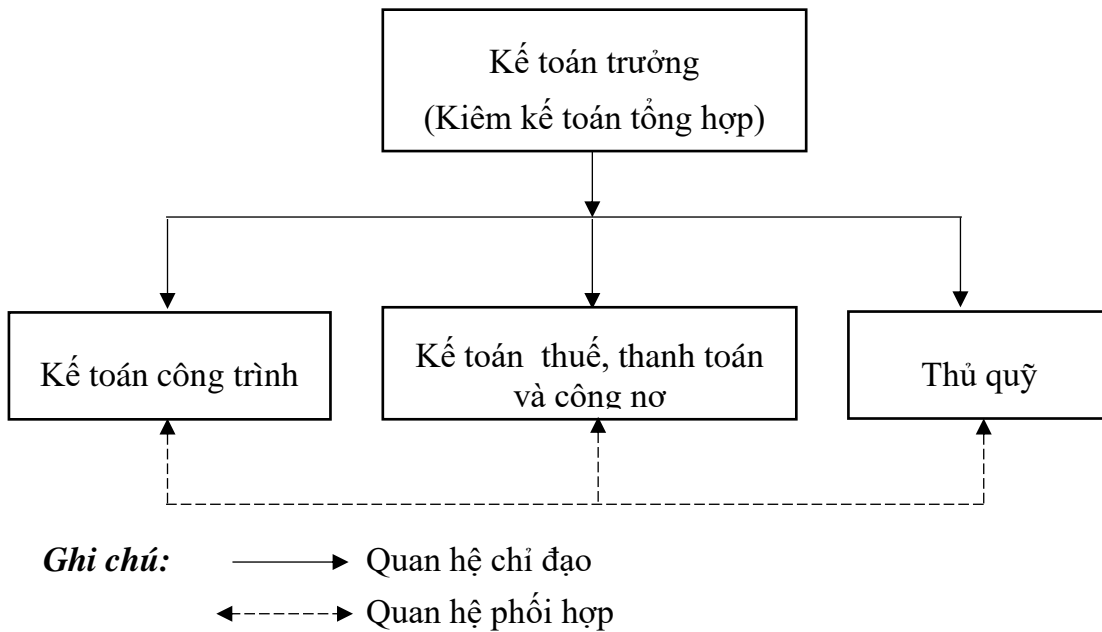
- **Đội thi công cơ giới:** Chịu sự chỉ huy trực tiếp của ban chỉ huy công trường. Khi việc thi công có nhu cầu đến máy móc thì đội thi công cơ giới vận chuyển máy móc thiết bị đến công trình, vận hành máy móc.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

2.1.5.1. Mô hình tổ chức kế toán tại công ty.

Hiện nay, công ty đang áp dụng mô hình tổ chức kế toán tập trung. Phòng Tài chính-Kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty và chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính trong công ty. Các đơn vị cấp dưới không có tổ chức kế toán riêng mà chỉ có nhân viên làm nhiệm vụ hạch toán ban đầu, thu nhận, kiểm tra, định kỳ gửi các chứng từ về phòng kế toán.

2.1.5.2. Bộ máy kế toán của công ty.



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

(Nguồn: Phòng Tổ chức- Hành chính)

Trong bộ máy kế toán của công ty, mỗi người phải chịu trách nhiệm cho một công đoạn trong công tác kế toán nhưng tất cả đều hướng đến mục đích là: hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhằm nâng cao hiệu quả lợi nhuận của toàn công ty.

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng kế toán nghiệp vụ:

- **Kế toán trưởng (Kiêm kế toán tổng hợp):** Là người đứng đầu bộ phận kế toán có chức năng tổ chức điều hành toàn bộ công tác kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác kế toán – tài chính của đơn vị. Kiểm tra, tổng hợp số liệu, chứng từ từ các bộ phận kế toán phân hành, ghi vào sổ cái. Lập báo cáo kế toán theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, định kỳ, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả kinh doanh của công ty.

- **Kế toán công trình:** Có nhiệm vụ quản lý việc thu chi tại mỗi công trình, hướng dẫn công việc cho thủ kho và cùng thủ kho kiểm tra, quản lý, giám sát tình hình nhập- xuất- tồn vật tư, công cụ tại mỗi công trình. Định kỳ hai ngày một lần, kế toán công trình phải tập hợp các chứng từ thu- chi, phiếu nhập- xuất kho các loại vật tư có xác nhận của chỉ huy công trình gửi về phòng tài chính- kế toán để kịp thời cập nhập, báo cáo định kỳ cho lãnh đạo công ty.

- **Kế toán thuế, thanh toán và công nợ:** Theo dõi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thuế, phản ánh thuế một cách chính xác, đầy đủ. Đồng thời, theo dõi các khoản

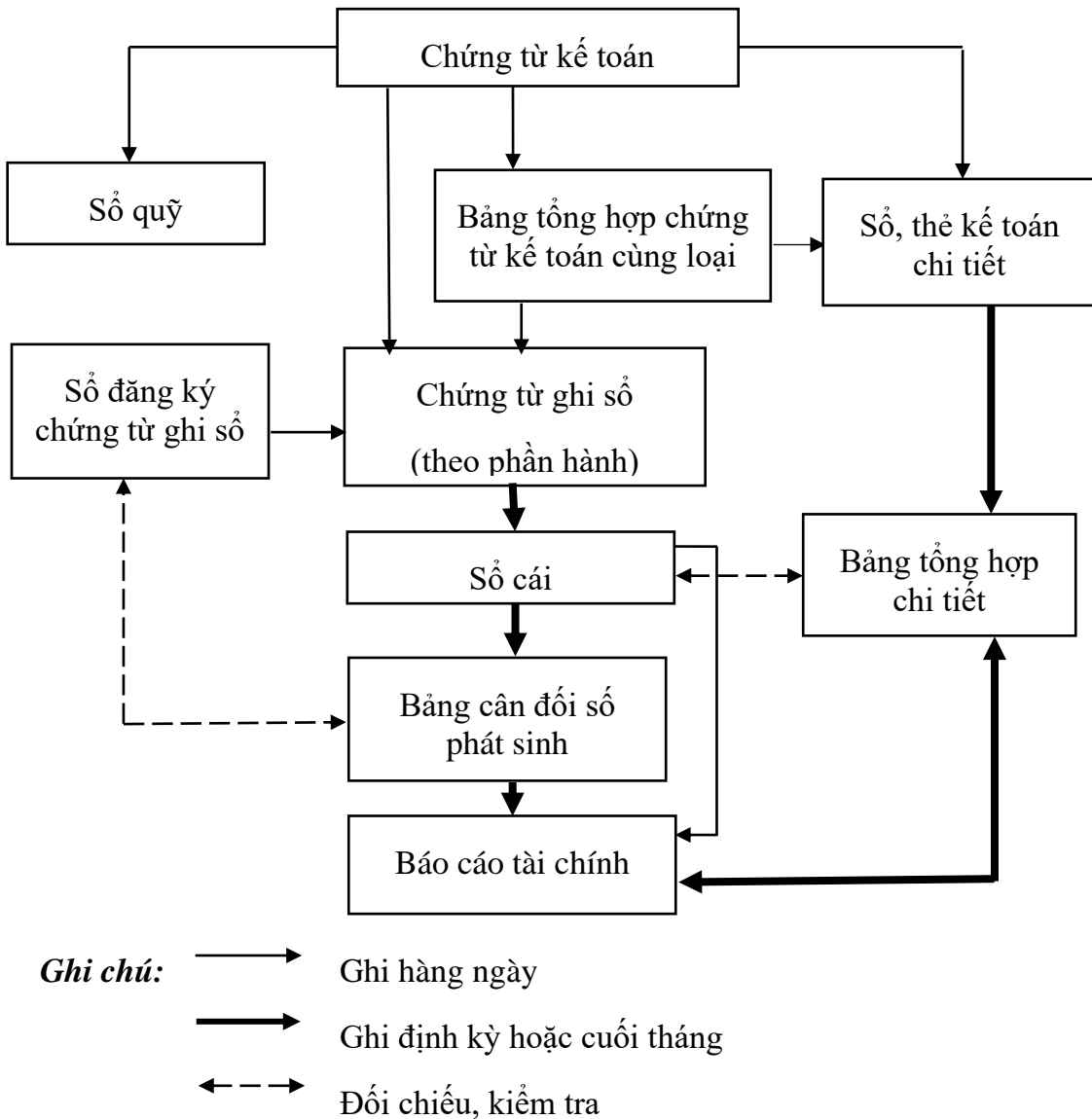
công nợ; các khoản thu, chi tiền mặt, tạm ứng, hoàn ứng, các khoản lương cho các bộ phận trong công ty.

- Thủ quỹ: Là người chịu trách nhiệm theo dõi tiền mặt cũng như tiền gửi ngân hàng của công ty, lập báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi và tiền vay ngân hàng.

2.1.5.3. Hình thức kế toán mà công ty áp dụng.

Hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng là hình thức “Chứng từ ghi sổ” theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

❖ Sơ đồ trình tự ghi sổ.



Sơ đồ 2.5. Hình thức ghi sổ kế toán theo Chứng từ ghi sổ tại Công ty

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

❖ Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái để lập ra bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng với số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các TK trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các TK trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.5.4. Một số chính sách áp dụng tại công ty.

- Chế độ kế toán: Công tác hạch toán kế toán tại công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú được thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT – BTC và Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

- Kỳ kế toán: Theo năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ).

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Phương pháp Bình quân sau mỗi lần nhập.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.

- Hình thức sổ kế toán: Hình thức Chứng từ ghi sổ.

2.2. Thực trạng về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty.

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú chuyên lĩnh vực xây dựng, hoạt động chủ yếu trong công tác xây dựng cơ bản nên chi phí về nguyên vật liệu chiếm từ 70%-80% giá trị tổng tài sản của công ty. NVL sử dụng trong xây dựng rất đa dạng và phong phú, và để thi công các công trình thì rất cần nhiều loại NVL, chúng được tập kết tại công trình. Các NVL khai thác đưa vào sử dụng ngay như: sỏi, đá, cát,...; các loại NVL này không được trữ trong kho mà chỉ tập kết dưới chân từng công trình nên việc quản lý khó khăn và hao hụt tự nhiên thường cao. Đối với NVL như: sắt, thép, xi măng thì được bảo quản kỹ hơn để đảm bảo chất lượng của từng NVL. Vì những đặc điểm của NVL trong xây dựng khá phức tạp và đa dạng nên chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng chi phí và giá thành.

Là một DN xây dựng, sản phẩm của công ty thường là những công trình cầu, cống, đường giao thông, các công trình dân dụng có quy mô vừa, nhỏ, mang tính đơn chiếc, thời gian thi công không dài. Nguyên vật liệu đa dạng phong phú và chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí và giá thành, hoạt động xây dựng được tiến hành ngoài trời chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản vật tư và ảnh hưởng tiến độ thi công. Do vậy với những đặc điểm chủ yếu đó, để đạt được hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh mang lại lợi ích kinh tế, công ty tăng cường đầu tư những máy móc thiết bị vào trong sản xuất, tổ chức cơ cấu sản xuất. Ngoài ra, công ty cũng không ngừng hoàn thiện các biện pháp để quản lý và sử dụng vật liệu đạt hiệu quả cao hơn, làm giảm hao hụt tự nhiên, mất mát, hư hỏng, tránh lãng phí, góp phần làm giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty.

Để thuận tiện cho quá trình theo dõi, kiểm kê và sử dụng hiệu quả NVL, Công ty đã phân thành các loại NVL chủ yếu như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Xi măng, cát, sỏi, đá, sắt, thép, gạch,...
- Vật liệu phụ: phụ gia bê tông, que hàn, đinh, thép buộc,...
- Nhiên liệu: Xăng, dầu,...
- Phụ tùng thay thế: vòng bi, săm, lốp xe, ắc-quy,...
- Phế liệu thu hồi: sắt vụn, thép vụn, gỗ vụn, vỏ bao xi măng,...

Cách phân loại NVL của công ty nhìn chung phù hợp với đặc điểm, vai trò, tác dụng của mỗi loại vật liệu trong sản xuất, từ đó giúp cho việc quản lý được dễ dàng hơn.

2.2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu.

2.2.3.1. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Công ty chủ yếu nhập kho NVL từ việc mua ngoài với số lượng NVL lớn. Tất cả các loại NVL sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty đều ghi theo giá thực tế và giá được tính cho NVL nhập trong kỳ là giá thực tế nhập kho.

Phương pháp tính:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá mua ghi} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{NVL nhập kho} & = & \text{trên hóa đơn} & + & \text{Chi phí thu mua} & - & \text{trừ (nếu có)} \end{array}$$

Ví dụ: Theo hóa đơn GTGT số 000024 của Công ty TNHH Xuân Chiến bán cho Công ty TNHH XDTH Hồng Phú 5 tấn xi măng Hoàng Thạch với giá chưa thuế GTGT 8% là 1.750.000 đồng/tấn ngày 03/02/2022 về nhập kho tại chân công trình Phù Cát. Chi phí vận chuyển do Công ty TNHH Xuân Chiến chịu, thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Giá mua chưa thuế: $5 \times 1.750.000 = 8.750.000đ$.

- Giá thực tế nhập kho: $8.750.000 + 0 = 8.750.000đ$.

2.2.3.2. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho.

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá NVL} & & \text{Số lượng NVL} & & \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo phương pháp sau:

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá đơn vị} & & \text{Giá trị thực tế NVL tồn} & & \text{Giá trị thực tế NVL nhập kho} \\ \text{bình quân} & & \text{kho trước lần nhập N} & + & \text{lần thứ N} \\ \text{NVL sau lần} & = & \text{Sản lượng NVL tồn kho} & & \text{Sản lượng NVL nhập kho} \\ \text{nhập N} & & \text{trước lần nhập N} & + & \text{lần thứ N} \end{array}$$

Ví dụ: Số dư đầu kỳ của NVL xi măng là 1,5 tấn với đơn giá là 1.550.000đ/tấn.

Trong tháng công ty mua xi măng Hoàng Thạch:

Ngày 03/02/2022, công ty mua 5 tấn xi măng với đơn giá là: 1.750.000đ/tấn.

Ngày 09/02/2022 công ty mua 3,5 tấn xi măng với giá trị là: 1.770.000đ/tấn.

Ngày 13/02/2022 công ty mua 10 tấn xi măng với giá trị là: 1.750.000đ/tấn.

Ngày 17/02/2022 công ty mua 6 tấn xi măng với giá trị là:1.800.000đ/tấn.

Trong tháng 02/2022, xuất xi măng sử dụng xây dựng công trình:

- Ngày 5/02: xuất 5,5 tấn xi măng thi công công trình ở Phù Cát.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá thực tế} & \quad 1,5 \times 1.550.000 + 5 \times 1.750.000 \\ \text{bình quân sau} & = \frac{\quad}{1,5 + 5} = 1.703.846,154\text{đ/tấn.} \end{aligned}$$

lần nhập ngày 03/02

Trị giá NVL xuất kho ngày 05/02 = 5,5 x 1.703.846,15 = 9.371.153,846 đ

- Ngày 11/02: xuất 3 tấn xi măng cho thi công công trình ở Phù Cát.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá thực tế} & \quad 1 \times 1.703.846,154 + 3,5 \times 1.770.00 \\ \text{bình quân sau} & = \frac{\quad}{1 + 3,5} = 1.755.299,145\text{đ/tấn.} \end{aligned}$$

lần nhập ngày 09/02

Trị giá NVL xuất kho ngày 11/02 = 3 x 1.755.299,145 = 5.265.897,436đ

- Ngày 16/02: xuất thêm 8 tấn xi măng thi công công trình ở Phù Cát.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá thực tế} & \quad 1,5 \times 1.755.299,145 + 10 \times 1.750.000 \\ \text{bình quân sau} & = \frac{\quad}{1,5 + 10} = 1.750.691,193\text{đ/tấn.} \end{aligned}$$

lần nhập ngày 13/02

Trị giá NVL xuất kho ngày 16/02 = 8 x 1.750.481,74 = 14.005.529,54đ

- Ngày 25/02: xuất 7 tấn xi măng thi công công trình ở Phù Cát.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá thực tế} & \quad 3,5 \times 1.750.691,193 + 6 \times 1.800.000 \\ \text{bình quân sau} & = \frac{\quad}{3,5 + 6} = 1.781.833,597\text{đ/tấn.} \end{aligned}$$

lần nhập ngày 13/02

Trị giá NVL xuất kho ngày 25/02 = 7 x 1.781.833,597 = 12.472.835,18đ

Tổng giá trị xuất kho vật liệu xi măng trong tháng 2:

9.371.153,846 + 5.265.897,436 + 14.005.529,54 + 12.472.835,18 = 41.115.416đ

2.2.4. Chứng từ sử dụng và trình tự luân chuyển chứng từ.

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng.

- ❖ Hóa đơn GTGT
- ❖ Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- ❖ Phiếu nhập kho
- ❖ Phiếu xuất kho

- Thẻ kho và các chứng từ liên quan

2.2.4.2. Trình tự luân chuyển chứng từ.

❖ Đối với nguyên vật liệu nhập kho:

Nguyên vật liệu được mua và vận chuyển về đến đơn vị, căn cứ vào hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng do người bán lập, ban kiểm nghiệm vật tư của công ty sẽ tiến hành kiểm tra NVL mua về có đúng số lượng, chất lượng, chủng loại theo hợp đồng mua hàng hay không. Sau đó, tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư và chuyển về phòng kế toán. Nếu nguyên vật liệu không đạt yêu cầu sẽ thông báo cho giám đốc để chờ xử lý. Nếu số nguyên vật liệu này đúng yêu cầu, quy cách, phẩm chất thì ban kiểm nghiệm ký vào biên bản. Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 liên: 1 liên lưu tại kho, 1 liên giao cho bộ phận kế toán.

Căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm và các hóa đơn, kế toán vật tư lập phiếu nhập kho nhằm xác định số lượng nguyên vật liệu nhập kho. Phiếu này được lập thành 3 liên: 1 liên được lưu tại phòng kế toán để ghi sổ chi tiết, 1 liên chuyển cho thủ kho để ghi thẻ kho và liên còn lại giao cho người nhập hàng.

Căn cứ vào phiếu nhập kho, thủ kho tiến hành nhập nguyên vật liệu theo đúng số lượng trong phiếu, ký vào phiếu nhập kho và ghi số lượng thực nhập vào Sổ theo dõi nguyên vật liệu. Cuối cùng, kế toán phân hành tổ chức bảo quản và lưu trữ phiếu nhập kho.

Ví dụ: Ngày 03/02/2022, Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú có mua nguyên vật liệu xi măng Hoàng Thạch của Công ty TNHH Xuân Chiến. Quy trình luân chuyển chứng từ nhập kho như sau:

Công ty TNHH XD TH Hồng Phú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 01 tháng 02 năm 2022

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA VẬT TƯ

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Gia Võ

Họ và tên: Tạ Minh Thanh

Bộ phận: Phòng vật tư

Kính đề nghị Giám đốc công ty giải quyết cho bộ phận chúng tôi một số vật tư để phục vụ cho xây dựng công trình dân dụng.

| STT | Tên, nhãn hiệu vật tư | ĐVT | Số lượng | Mục đích sử dụng |
|-----|-----------------------|-----|----------|---------------------|
| 1 | Xi măng Hoàng Thạch | Tấn | 5 | Công trình dân dụng |
| | | | | |

Ngày 01 tháng 02 năm 2022

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Kế hoạch

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C22THH

Số (No.): 000024

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2022

Đơn vị bán hàng (Issued): Công ty TNHH Xuân Chiến

Mã số thuế (Tax code): 4100587357

Địa chỉ (Address): Km 23+500 Quốc lộ 19, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại (Phone number): 02563637179

Số tài khoản (Account No.): 58110000598652

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Đặng Thị Biên.

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Mã số thuế (Tax code): 4100471666

Địa chỉ (Address): thôn Phú Gia, xã Cát Tường, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Hình thức thanh toán (Payment method): CK Số tài khoản (Account No.): 58010000745291

| STT (No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | Đơn vị tính (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount) |
|--------------|--|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 1 | Xi măng Hoàng Thạch | Tấn | 5 | 1.750.000 | 8.750.000 |
| | | | | | |

Cộng tiền hàng (Total amount): 8.750.000

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%, Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 700.000

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 9.450.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Signature valid

Người bán hàng (Seller)

Signature valid

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội (Viettel),

MST: 0100109106.

Mã của cơ quan thuế: 00ACEBAF55A898466A645C2061AAF49E6

Đơn vị: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá
 Ngày 03 tháng 02 năm 2022

Số: 00005

- Căn cứ Hóa đơn GTGT số 000024 ngày 03 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH Xuân Chiến.

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Bà: Đặng Thị Biên Chức vụ: Kế toán trưởng Đại diện: Trưởng ban

+ Ông: Nguyễn Văn Minh Chức vụ: Thủ kho Đại diện: Ủy viên

+ Bà: Võ Thị Bích Liễu Chức vụ: Thủ kho Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

| Số TT | Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá | Mã số | Phương thức kiểm nghiệm | Đơn vị tính | Số lượng theo chứng từ | Kết quả kiểm nghiệm | | Ghi chú |
|-------|---|-------|-------------------------|-------------|------------------------|-----------------------------------|---|---------|
| | | | | | | Số lượng đúng quy cách, phẩm chất | Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | F |
| 1 | Xi măng Hoàng Thạch | XM | Đếm | Tấn | 5 | 5 | 0 | |

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Đủ số lượng và đúng quy cách trong hợp đồng, đồng ý nhập kho.

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: 01- VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TTBTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Nợ TK 152

Ngày **03** tháng **02** năm **2022**

Có TK 112

Số: PNK21

- Họ và tên người giao : Công ty TNHH Xuân Chiến
- Theo hóa đơn số 000024 ngày 03 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH Xuân Chiến.

- Nhập tại kho: Kho vật tư

Địa điểm: Phú Gia, Cát Tường

| STT | Tên nhãn hiệu quy cách, cách phẩm chất vật tư | Mã số | Đvt | Số lượng | | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|--|----------|-----|------------|--------------|------------------|---------------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Xi măng Hoàng Thạch | XM | Tấn | 5 | 5 | 1.750.000 | 8.750.000 |
| | Cộng | | | | | | 8.750.000 |

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.**
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐ GTGT số 000024 + 01 biên bản kiểm nghiệm

Ngày 03 tháng 02 năm 2022

Người lập
(Ký tên)

Người giao hàng
(Ký tên)

Thủ kho
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

Giám đốc
(Ký tên)

Chứng từ giao dịch

Ủy nhiệm chi Payment order

Số No UJNC00006 Ngày Date 03/02/2022

Ký hiệu Invoice sign **Số HĐ** Invoice No Mẫu số 01GTKT2/003 **Liên 2. Giao cho khách hàng** Copy 2. Customer's Copy

Tên người trả tiền Applicant Name Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Số tài khoản Debit Account No 58010000745291

Tại Ngân hàng With bank Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Tên người hưởng Beneficiary Name Công ty TNHH Xuân Chiến

Số CMT/HC IP/PP No Ngày cấp Date of Issue Place of Issue

Tại ngân hàng With bank Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài

Số tiền bằng số Amount in figures 9.450.000 VNĐ

Số tiền bằng chữ Amount in words Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng.

Nội dung Remarks: Thanh toán tiền mua hàng theo HĐ số 000024.

| | | | | |
|-----------------------|------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kế toán trưởng | Chủ TK | A/c holder | Giao dịch viên | Kiểm soát viên |
| Chief accountant | Ký tên, đóng dấu | Signature & Stamp | Teller | Supervisor |

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày in: 03/02/2022

Giờ in: 15h00'

Số tài khoản: 58010000745291

Tên tài khoản: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của quý khách đã được ghi nợ với nội dung sau:

| Ngày giờ hiệu lực | Số tiền | Loại tiền | Diễn giải |
|--------------------------|----------------|------------------|---|
| 03/02/2022 15:00:00 | 9.450.000 | VNĐ | Ngân hàng phát lệnh: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Ngân hàng giữ tài khoản: Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài Số tài khoản: 58010000598652 Người thụ hưởng: Công ty TNHH Xuân Chiến |

Giao dịch viên*(Ký, họ tên)***Kiểm soát***(Ký, họ tên)*

❖ Đối với nguyên vật liệu xuất kho:

Để tiến hành xuất nguyên vật liệu dùng cho sản xuất, các bộ phận cần NVL sẽ lập phiếu đề nghị xuất vật tư sau đó gửi Giám đốc ký duyệt. Căn cứ vào yêu cầu của các bộ phận yêu cầu cũng như các đội xây lắp, Giám đốc ra quyết định ký duyệt sau đó chuyển về phòng kế toán để làm căn cứ lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu tại bộ phận lập phiếu đề nghị xuất vật tư.
- + Liên 2: Giao cho thủ kho để làm căn cứ xuất nguyên vật liệu.
- + Liên 3: Giao cho bộ phận kế toán để ghi sổ.

Cuối cùng, phiếu xuất kho được lưu trữ tại các phòng ban.

Ví dụ: Ngày 15/02/2022, xuất kho vật liệu đá chẻ 10x20 cho công trình đang thi công tại Phù Cát. Quy trình luân chuyển chứng từ diễn ra như sau :

Công ty TNHH XD TH Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT KHO HÀNG HÓA, VẬT TƯ

Số: 12

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

Người đề nghị: Hà Văn Sơn

Bộ phận công tác: Phòng vật tư

Lý do xuất: Xuất cho thi công công trình tại Phù Cát.

| STT | Tên vật liệu | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|------------|---------------------|------------|-----------------|----------------|
| 1 | Đá chẻ 10x20 | Viên | 7.000 | |
| | Cộng | | 7.000 | |

Tổng cộng: 01 loại vật liệu

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Quản đốc PX

(ký, họ tên)

Xác nhận KCS

(ký, họ tên)

Người đề nghị

(ký, họ tên)

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Số: 15

Nợ TK 621

Có TK 152

Họ tên người nhận hàng: Hà Văn Sơn

Địa chỉ (bộ phận): Phòng vật tư

Lý do xuất kho: Theo giấy đề nghị cung cấp vật tư số 12.

Xuất tại kho: Cát Tường

Địa điểm: thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định.

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|-------|-------------|----------|-----------|---------|-------------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Đá chẻ 10x20 | ĐC | Viên | 7.000 | 7.000 | 4.623 | 32.361.539 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | 7.000 | 7.000 | | 32.361.539 |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): **Ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm ba mươi chín đồng.**

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú đã áp dụng phương pháp hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Việc hạch toán NVL được tiến hành đồng thời tại bộ phận kế toán và kho.

+ Ở kho :

Hàng ngày khi nhận được chứng từ phiếu xuất kho, nhập kho thì thủ kho sẽ tiến hành mở thẻ kho và ghi nhận số lượng NVL xuất ra, nhập vào kho. Mỗi loại NVL thì sẽ được theo dõi trong một thẻ kho để tiến hành kiểm tra, theo dõi dễ dàng. Thủ kho thường xuyên đối chiếu với số lượng thực trong kho để đảm bảo sổ sách và hiện vật luôn khớp nhau. Định kỳ 3 đến 5 ngày, sau khi ghi vào thẻ kho, thủ kho chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất NVL về phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán:

Kế toán sử dụng sổ chi tiết NVL để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn NVL. Nhận chứng từ nhập, xuất NVL từ thủ kho chuyển đến, kế toán sẽ phản ánh vào sổ chi tiết của từng loại NVL.

+ Cuối tháng, sau khi ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán tiến hành cộng tổng nhập, tổng xuất và tổng tồn kho về mặt số lượng và giá trị. Sau đó, tiến hành đối chiếu với các Sổ theo dõi nguyên vật liệu do các thủ kho chuyển lên. Căn cứ vào sổ chi tiết NVL để lập Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn. Bảng này được lập hàng tháng và mở chi tiết cho từng loại vật tư và là căn cứ đối chiếu sổ chi tiết và sổ tổng hợp NVL.

- Ví dụ: Trong tháng 02/2022, tại Công ty TNHH XDTH Hồng Phú thực hiện ghi sổ chi tiết như sau:

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: S12-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Tháng: 02/2022

Mã số:01 Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng

(ĐVT: Tấn)

| Số thứ tự | Ngày, tháng chứng từ | Chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập, xuất | Số lượng | | |
|-----------|----------------------|----------|------|--------------------------------|-----------------|-------------|-------------|-------------|
| | | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 |
| | | | | Số tồn đầu kỳ | | | | 1.5 |
| 1 | 03/02 | PN21 | | Nhập kho xi măng | 03/02 | 5 | | 6.5 |
| 2 | 05/02 | | PX10 | Xuất kho xi măng | 05/02 | | 5.5 | 1 |
| 3 | 09/02 | PN24 | | Nhập kho xi măng | 09/02 | 3.5 | | 4.5 |
| 4 | 11/02 | | PX13 | Xuất kho xi măng | 11/02 | | 3 | 1.5 |
| 5 | 13/02 | PN25 | | Nhập kho xi măng | 13/02 | 10 | | 11.5 |
| 6 | 16/02 | | PX16 | Xuất kho xi măng | 16/02 | | 8 | 3.5 |
| 7 | 17/02 | PN26 | | Nhập kho xi măng | 17/02 | 6 | | 9.5 |
| 8 | 25/02 | | PX19 | Xuất kho xi măng | 25/02 | | 7 | 2.5 |
| 9 | 26/02 | PN29 | | Nhập kho xi măng | 26/02 | 9 | | 11.5 |
| 10 | 28/02 | PN31 | | Nhập kho xi măng | 28/02 | 5 | | 16.5 |
| | | | | Cộng phát sinh trong kỳ | | 38.5 | 23.5 | |
| | | | | Số tồn cuối kỳ | | | | 16.5 |

Ngày mở sổ: 01/02/2022

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: S12-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Tháng: 02/2022

Mã số:02 Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Đá chẻ 10x20

(ĐVT: Viên)

| Số thứ tự | Ngày, tháng chứng từ | Chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập, xuất | Số lượng | | |
|-----------|----------------------|----------|------|--------------------------------|-----------------|---------------|--------------|---------------|
| | | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 |
| | | | | Số tồn đầu kỳ | | | | 0 |
| 1 | 05/02 | PN22 | | Nhập kho đá chẻ | 05/02 | 5.000 | | 5.000 |
| 2 | 07/02 | PN23 | | Nhập kho đá chẻ | 07/02 | 8.000 | | 13.000 |
| 3 | 15/02 | | PX15 | Xuất kho đá chẻ | 15/02 | | 7.000 | 6.000 |
| 4 | 19/02 | | PX18 | Xuất kho đá chẻ | 19/02 | | 1.000 | 5.000 |
| 5 | 23/02 | PN27 | | Nhập kho đá chẻ | 23/02 | 2.500 | | 7.500 |
| 6 | 27/02 | PN30 | | Nhập kho đá chẻ | 27/02 | 3.500 | | 11.000 |
| | | | | Cộng phát sinh trong kỳ | | 19.000 | 8.000 | |
| | | | | Số tồn cuối kỳ | | | | 11.000 |

Ngày mở sổ: 01/02/2022

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: S12-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Tháng: 02/2022

Mã số:03

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Gạch 6 lỗ

(ĐVT: Viên)

| Số thứ tự | Ngày, tháng chứng từ | Chứng từ | | Diễn giải | Ngày nhập, xuất | Số lượng | | |
|-----------|----------------------|----------|------|--------------------------------|-----------------|---------------|---------------|--------------|
| | | Nhập | Xuất | | | Nhập | Xuất | Tồn |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 | 3 |
| | | | | Số tồn đầu kỳ | | | | 2.000 |
| 1 | 10/02 | PN25 | | Nhập kho gạch | 10/02 | 10.000 | | 12.000 |
| 2 | 18/02 | | PX17 | Xuất kho gạch | 18/02 | | 9.500 | 2.500 |
| 3 | 25/02 | PN28 | | Nhập kho gạch | 25/02 | 7.000 | | 9.500 |
| 4 | 28/02 | | PX20 | Xuất kho gạch | 28/02 | | 4.000 | 5.500 |
| | | | | Cộng phát sinh trong kỳ | | 17.000 | 13.500 | |
| | | | | Số tồn cuối kỳ | | | | 5.500 |

Ngày mở sổ: 1/02/2022

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho do các thủ kho từ các bộ phận sản xuất và công trình chuyển đến kế toán vật tư tiến hành ghi vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu như sau:

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định.

Mẫu số: S10- DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Tài khoản: 152-XM

Tên kho: Tại kho Cát Tường

Tên, quy cách: Xi măng Hoàng Thạch

Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/02/2022

(DVT: VND)

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|------------|-------------------------|-------------------|----------------------|-------------|-------------------|-------------|-----------------------|-------------|-----------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | (3 = 1 x 2) | 4 | (5 = 1 x 4) | 6 | (7 = 1 x 6) |
| | | Số tồn đầu kỳ | | 1.550.000 | | | | | 1,50 | 2.325.000 |
| PN21 | 3/2 | Nhập kho xi măng | 1121 | 1.750.000 | 5 | 8.750.000 | | | 7 | 11.075.000 |
| PX10 | 5/2 | Xuất kho xi măng | 621 | 1.703.846,154 | | | 5,5 | 9.371.153,846 | 1 | 1.703.846,154 |
| PN24 | 9/2 | Nhập kho xi măng | 1121 | 1.770.000,0 | 3,5 | 6.195.000 | | | 4,5 | 7.898.846,154 |
| PX13 | 11/2 | Xuất kho xi măng | 621 | 1.755.299,145 | | | 3 | 5.265.897,436 | 1,5 | 2.632.948,718 |
| PN25 | 13/02 | Nhập kho xi măng | 331 | 1.750.000,0 | 10 | 17.500.000 | | | 11,5 | 20.132.948,718 |
| PX16 | 16/02 | Xuất kho xi măng | 621 | 1.750.691,193 | | | 8 | 14.005.529,543 | 3,5 | 6.127.419,175 |
| PN26 | 17/02 | Nhập kho xi măng | 1121 | 1.800.000,000 | 6 | 10.800.000 | | | 9,5 | 16.927.419,175 |
| PX19 | 25/02 | Xuất kho xi măng | 621 | 1.781.833,597 | | | 7 | 12.472.835,182 | 2,5 | 4.454.583,993 |
| PN29 | 26/02 | Nhập kho xi măng | 331 | 1.800.000,000 | 9 | 16.200.000 | | | 11,5 | 20.654.583,993 |
| PN31 | 28/02 | Nhập kho xi măng | 331 | 1.770.000,000 | 5 | 8.850.000 | | | 16,5 | 29.504.583,993 |
| | | Cộng trong tháng | | | 38,5 | 68.295.000 | 23,5 | 41.115.416,007 | | |
| | | Tồn cuối kỳ | | 1.788.156,606 | | | | | 16,5 | 29.504.583,993 |

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

Ngày mở sổ: 01/02/2022.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định.

Mẫu số: S10- DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Tài khoản: 152-ĐC Tên kho: Tại kho Cát Tường Tên, quy cách: Đá chẻ 10x20

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 28/02/2022

(Đvt: VNĐ)

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|------------|-------------------------|-------------------|------------------|---------------|-------------------|--------------|-----------------------|---------------|-----------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | (3 = 1 x 2) | 4 | (5 = 1 x 4) | 6 | (7 = 1 x 6) |
| | | Số tồn đầu kỳ | | - | | | | | - | - |
| PN22 | 05/02 | Nhập kho đá chẻ | 1121 | 4.500 | 5.000 | 22.500.000 | | | 5.000 | 22.500.000 |
| PN23 | 07/02 | Nhập kho đá chẻ | 331 | 4.700 | 8.000 | 37.600.000 | | | 13.000 | 60.100.000 |
| PX15 | 15/02 | Xuất kho đá chẻ | 621 | 4.623,1 | | | 7.000 | 32.361.538,5 | 6.000 | 27.738.461,538 |
| PX18 | 19/02 | Xuất kho đá chẻ | 621 | 4.623,077 | | | 1.000 | 4.623.076,923 | 5.000 | 23.115.384,615 |
| PN27 | 23/02 | Nhập kho đá chẻ | 331 | 5.500 | 2.500 | 13.750.000 | | | 7.500 | 36.865.384,615 |
| PN30 | 27/02 | Nhập kho đá chẻ | 331 | 5.000 | 3.500 | 17.500.000 | | | 11.000 | 54.365.348,615 |
| | | Cộng trong tháng | | | 19.000 | 91.350.000 | 8.000 | 36.984.615,423 | | |
| | | Tồn cuối kỳ | | 4.942,308 | | | | | 11.000 | 54.365.384,615 |

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

Ngày mở sổ: 01/02/2022.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú

Mẫu số: S10- DN

Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định.

(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Tài khoản: 152-G

Tên kho: Tại kho Cát Tường Tên, quy cách: Gạch 6 lỗ

Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/02/2022

(Đvt: VND)

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|----------|------------|-------------------------|-------------------|------------------|---------------|-------------------|---------------|-----------------------|--------------|----------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | (3 = 1 x 2) | 4 | (5 = 1 x 4) | 6 | (7 = 1 x 6) |
| | | Số tồn đầu kỳ | | 1.400 | | | | | 2.000 | 2.800.000 |
| PN25 | 10/02 | Nhập kho gạch | 1121 | 1.500 | 10.000 | 15.000.000 | | | 12.000 | 17.800.000 |
| PX17 | 18/02 | Xuất kho gạch | 621 | 1.483 | | | 9.500,0 | 14.091.666,667 | 2.500 | 3.708.333 |
| PN28 | 25/02 | Nhập kho gạch | 331 | 1.520 | 7.000 | 10.640.000 | | | 9.500 | 14.348.333,333 |
| PX20 | 28/02 | Xuất kho gạch | 621 | 1.510,351 | | | 4.000 | 6.041.403,509 | 5.500 | 8.306.929,825 |
| | | Cộng trong tháng | | | 17.000 | 25.640.000 | 13.500 | 20.133.070,176 | | |
| | | Tồn cuối kỳ | | 1.510,351 | | | | | 5.500 | 8.306.929,825 |

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

Ngày mở sổ: 01/02/2022.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú

Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định.

Mẫu số: S11- DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

Tháng 02 năm 2022

Đvt: VNĐ

| Số thứ tự | Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá | Đơn vị | Tồn đầu kỳ | | Nhập trong kỳ | | Xuất trong kỳ | | Tồn cuối kỳ | |
|-----------|---|--------|------------|------------------|---------------|--------------------|---------------|-----------------------|-------------|-----------------------|
| | | | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền |
| 1 | Xi măng | Tấn | 1,5 | 2.325.000 | 38,5 | 68.295.000 | 23,5 | 41.115.416,007 | 16,5 | 29.504.583,993 |
| 2 | Đá chẻ 10x20 | Viên | - | - | 19.000 | 91.350.000 | 8.000 | 36.984.615,423 | 11.000 | 54.365.384,577 |
| 3 | Gạch 6 lỗ | Viên | 2.000 | 2.800.000 | 17.000 | 25.640.000 | 13.500 | 20.133.070,176 | 5.500 | 8.306.929,824 |
| | Tổng cộng | | | 5.125.000 | | 185.285.000 | | 98.233.101,567 | | 92.176.898,394 |

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Dựa vào chứng từ gốc, kế toán lập các chứng từ ghi sổ:

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú

Thôn Phú Gia-Cát Tường-Phù Cát-Bình Định

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/03

Thời gian: 01/02 đến 28/02

Loại chứng từ gốc: Giấy báo nợ

ĐVT: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Có TK 112 | Ghi Nợ các tài khoản | |
|-------------------|----------|------------|--|-------------------|----------------------|------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | 152 | 133 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 03/02 | PN21 | 03/02 | Nhập kho NVL (xi măng) theo HĐ số 000024 | 9.625.000 | 8.750.000 | 875.000 |
| 07/02 | PN23 | 07/02 | Nhập kho NVL (đá chẻ) theo HĐ số 000026 | 24.750.000 | 22.500.000 | 2.250.000 |
| 09/02 | PN24 | 09/02 | Nhập kho NVL (xi măng) theo HĐ số 000027 | 6.814.500 | 6.195.000 | 619.500 |
| 10/02 | PN25 | 10/02 | Nhập kho NVL (gạch) theo HĐ số 000028 | 16.500.000 | 15.000.000 | 1.500.000 |
| 17/02 | PN26 | 17/02 | Nhập kho NVL (xi măng) theo HĐ số 000030 | 11.880.000 | 10.800.000 | 1.080.000 |
| | | | Cộng | 69.569.500 | 63.245.000 | 6.324.500 |

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: S02a-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/03

Ngày 03 tháng 02 năm 2022

Loại chứng từ: Giấy báo Nợ

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền (VNĐ) |
|--|-------------------|-----|-------------------|
| | Nợ | Có | |
| Tổng hợp định khoản từ chứng từ bảng kê CTGS 01/03 | 152 | 112 | 63.245.000 |
| | 133 | 112 | 6.324.500 |
| Cộng phát sinh: | | | 69.569.500 |

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia-Cát Tường-Phù Cát-Bình Định

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/03

Loại chứng từ gốc: Phiếu xuất kho

Thời gian: 01/02 đến 28/02

ĐVT: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số lượng | Ghi Có TK 152 | Ghi Nợ các tài khoản |
|-------------------|----------|------------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | 621 |
| 05/02 | PX10 | 05/02 | Xuất kho NVL (xi măng) theo đề nghị cung cấp vật tư số 09. | 5.5 tấn | 9.371.153,846 | 9.371.153,846 |
| 11/02 | PX13 | 11/02 | Xuất kho NVL (xi măng) theo đề nghị cung cấp vật tư số 11. | 3 tấn | 5.265.897,436 | 5.265.897,436 |
| 15/02 | PX15 | 15/02 | Xuất kho NVL (đá chẻ) theo đề nghị cung cấp vật tư số 12. | 7000 viên | 32.361.538,500 | 32.361.538,500 |
| 16/02 | PX16 | 16/02 | Xuất kho NVL (xi măng) theo đề nghị cung cấp vật tư số 13. | 8 tấn | 14.005.529,543 | 14.005.529,543 |
| 18/02 | PX17 | 18/02 | Xuất kho NVL (gạch) theo đề nghị cung cấp vật tư số 17 | 9.500 viên | 14.091.666,667 | 14.091.666,667 |
| 19/02 | PX18 | 19/02 | Xuất kho NVL (đá chẻ) theo đề nghị cung cấp vật tư số 18. | 1000 viên | 4.623.076,923 | 4.623.076,923 |
| 25/02 | PX19 | 25/02 | Xuất kho NVL (xi măng) theo đề nghị cung cấp vật tư số 21. | 7 tấn | 12.472.835,182 | 12.472.835,182 |
| 28/02 | PX20 | 28/02 | Xuất kho NVL (gạch) theo đề nghị cung cấp vật tư số 23. | 4000 tấn | 6.041.403,509 | 6.041.403,509 |
| | | | Cộng | | 98.233.101,606 | 98.233.101,606 |

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: S02a-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/03

Ngày 05 tháng 02 năm 2022

Loại chứng từ: Phiếu xuất kho

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền (VNĐ) |
|--|-------------------|-----|-----------------------|
| | Nợ | Có | |
| Tổng hợp định khoản từ chứng từ bảng kê CTGS 02/03 | 621 | 152 | 98.233.101,606 |
| Cộng phát sinh: | | | 98.233.101,606 |

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú

Thôn Phú Gia-Cát Tường-Phù Cát-Bình Định

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/03

Thời gian: 01/02 đến 28/02

Loại chứng từ gốc: Nhập kho chưa thanh toán

ĐVT: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Ghi Có TK 331 | Ghi Nợ các tài khoản | |
|-------------------------|------------|---------------|---|--------------------|----------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | 152 | 133 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 07/02 | PN23 | 07/02 | Nhập kho NVL (đá chẻ) theo HĐ số 000025 | 41.360.000 | 37.600.000 | 3.760.000 |
| 13/02 | PN25 | 13/02 | Nhập kho NVL (xi măng) theo HĐ số 000029 | 19.250.000 | 17.500.000 | 1.750.000 |
| 23/02 | PN27 | 23/02 | Nhập kho NVL(đá chẻ) theo HĐ số 000031 | 15.125.000 | 13.750.000 | 1.375.000 |
| 25/02 | PN28 | 25/02 | Nhập kho NVL (gạch) theo HĐ số 000033 | 12.280.000 | 10.640.000 | 1.064.000 |
| 26/02 | PN29 | 26/02 | Nhập kho NVL(xi măng) theo HĐ số 000035 | 17.820.000 | 16.200.000 | 1.620.000 |
| 27/02 | PN30 | 27/02 | Nhập kho NVL (đá chẻ) theo HĐ số 000036 | 19.250.000 | 17.500.000 | 1.750.000 |
| 28/02 | PN31 | 28/02 | Nhập kho NVL (xi măng) theo HĐ số 000038 | 9.735.000 | 8.850.000 | 885.000 |
| | | | Cộng | 134.820.000 | 122.040.000 | 12.204.000 |

Kèm theo: 03 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: S02a-DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/03

Ngày 07 tháng 02 năm 2022

Loại chứng từ: Nhập kho chưa thanh toán

| Trích yếu | Số hiệu tài khoản | | Số tiền (VNĐ) |
|--|-------------------|-----|--------------------|
| | Nợ | Có | |
| Tổng hợp định khoản từ chứng từ bảng kê CTGS 03/03 | 152 | 331 | 122.040.000 |
| | 133 | 331 | 12.204.000 |
| Cộng phát sinh: | | | 134.820.000 |

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú
Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

Mẫu số: S02b-DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng: 02/2022

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ ghi sổ | | Số tiền |
|--------------------------------|------------|------------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | |
| A | B | 1 |
| 01/03 | 03/02 | 69.569.500 |
| 02/03 | 05/02 | 98.233.101,606 |
| 03/03 | 07/02 | 134.820.000 |
| Cộng tháng: | | 302.622.601,606 |
| Cộng lũy kế từ đầu quý: | | |

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

Ngày mở sổ: 01/02/2022

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú

Mẫu số: S02c-DN

Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

(Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng: 02/2022

Số hiệu tài khoản: 152

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

(Dvt: VND)

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ ghi số | | Diễn giải | Số hiệu tài khoản đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------|------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | Số dư đầu tháng | | 5.125.000 | |
| | | | Số phát sinh trong tháng | | | |
| 28/02 | 01/03 | 3/2 | Nhập kho xi măng | 1121 | 8.750.000 | |
| | | 7/2 | Nhập kho đá chẻ | 1121 | 22.500.000 | |
| | | 9/2 | Nhập kho xi măng | 1121 | 6.195.000 | |
| | | 10/2 | Nhập kho gạch | 1121 | 15.000.000 | |
| | | 17/02 | Nhập kho xi măng | 1121 | 10.800.000 | |
| 28/02 | 02/03 | 5/2 | Xuất kho xi măng | 621 | | 9.371.153,846 |
| | | 11/2 | Xuất kho xi măng | 621 | | 5.265.897,436 |
| | | 15/02 | Xuất kho đá chẻ | 621 | | 32.361.538,500 |
| | | 16/02 | Xuất kho xi măng | 621 | | 14.005.529,543 |
| | | 18/02 | Xuất kho gạch | 621 | | 14.091.666,667 |
| | | 19/02 | Xuất kho đá chẻ | 621 | | 4.623.076,923 |
| | | 25/02 | Xuất kho xi măng | 621 | | 12.472.835,182 |
| | | 28/02 | Xuất kho gạch | 621 | | 6.041.403,509 |
| 28/02 | 03/03 | 7/2 | Nhập kho đá chẻ | 331 | 37.600.000 | |
| | | 13/02 | Nhập kho xi măng | 331 | 17.500.000 | |
| | | 23/02 | Nhập kho đá chẻ | 331 | 13.750.000 | |
| | | 26/02 | Nhập kho xi măng | 331 | 16.200.000 | |
| | | 25/02 | Nhập kho gạch | 331 | 10.640.000 | |
| | | 27/02 | Nhập kho đá chẻ | 331 | 17.500.000 | |
| | | 28/02 | Nhập kho xi măng | 331 | 8.850.000 | |
| | | | Cộng số phát sinh tháng | | 185.285.000 | 98.233.101,606 |
| | | | Số dư cuối tháng | | 92.176.898,394 | |

Số này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

Ngày mở sổ: 01/2/2022

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 28 tháng 02 năm 2022
Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.3. Nhận xét chung về thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Trong những năm trở lại đây, với nền kinh tế thị trường có nhiều biến động và đầy thách thức đã ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của các công ty, doanh nghiệp trên cả nước. Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng; tuy nhiên công ty vẫn cố gắng hoàn thành mục tiêu đề ra. Để đạt được mục tiêu đó là cả sự nỗ lực và phấn đấu làm việc của tất cả các thành viên trong công ty, trong đó có sự góp sức không nhỏ của phòng tài chính- kế toán.

Sau thời gian thực tập tại phòng tài chính-kế toán của công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú, qua tìm hiểu về công tác kế toán NVL, em thấy rằng nhìn chung việc quản lý NVL tương đối chặt chẽ và được thực hiện khá linh hoạt, nhanh chóng giúp cho Giám đốc nắm rõ tình hình biến động về NVL trong công ty. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng bộc lộ những hạn chế đòi hỏi phải có biện pháp thiết thực hơn.

2.3.1. Ưu điểm.

- Bộ máy kế toán: Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ trên cơ sở mối quan hệ với các phòng ban, thông tin từ Giám đốc tới các phòng ban được giải quyết kịp thời. Bộ máy kế toán tổ chức theo hình thức tập trung phù hợp với công ty.

- Công ty vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ phù hợp với quy mô và đặc điểm của công ty. Các chứng từ được cập nhật kịp thời, sổ sách kế toán tổng hợp được ghi chép rõ ràng, rất thuận tiện cho việc theo dõi các NVL ở kho. Việc sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ trong công tác kế toán có ứng dụng máy vi tính phù hợp xu thế hiện nay khi chế độ kế toán có nhiều đổi mới đã giúp giảm khối lượng ghi chép và giúp cho việc tìm kiếm thông tin được nhanh chóng.

- Áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Phương pháp kê khai thường xuyên giúp công ty kịp thời nắm bắt được thông tin một cách đầy đủ, toàn diện tình hình nhập xuất tồn của nguyên vật liệu trong kỳ, từ đó nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu và đề ra những biện pháp nhằm dự trữ, sử dụng có hiệu quả nguyên vật liệu.

- Việc hạch toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song, sử dụng các sổ (thẻ) kho đã giúp kế toán tiết kiệm thời gian. Các sổ chi tiết của công ty được trình bày rõ ràng, dễ ghi chép cũng giúp cho kế toán các phần hành khác dễ đối chiếu khi có sai sót.

- Công ty đã sử dụng đầy đủ các chứng từ, sổ sách cần thiết theo quy định của Nhà nước, phản ánh và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách theo quy định, điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu, so sánh khi có nhu cầu cũng như có những điều chỉnh và bổ sung kịp thời nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

2.3.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú vẫn còn tồn tại những nhược điểm sau:

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác kế toán vẫn còn nhiều hạn chế. Công ty hiện đang sử dụng phần mềm kế toán phiên bản cũ MISA.SME.NET 2019 chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc, ví dụ: nộp thuế, khai thuế điện tử,... Ngoài ra, năng lực sử dụng công nghệ của nhân viên công ty còn nhiều yếu kém.

- Vấn đề luân chuyển chứng từ: Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, các bộ phận diễn ra thường xuyên; tuy nhiên giữa các phòng ban và các bộ phận lại không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi mất chứng từ không biết trách nhiệm của ai để xử lý, làm cho nhân viên không thận trọng quản lý chứng từ.

- Việc quản lý NVL gặp nhiều khó khăn và tất cả vật liệu nhập từ nhiều nguồn khác nhau đều được công ty cất giữ trong một kho nên khó bảo quản và phân loại. Công ty chưa làm tốt công tác quản lý các loại NVL không nhập mà xuất thẳng cho công trình hoặc mua tại nơi thi công như: cát, đá, sạn,... thường làm thất lạc các chứng từ, gây khó khăn cho việc hạch toán. Ngoài ra, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đầu tiên phải nói đến là việc cung ứng NVL bị gián đoạn do nhiều nhà cung cấp thân thiết phải đóng cửa, công ty phải tìm nhà cung cấp mới. Bên cạnh đó, giá thành NVL nhập kho cũng cao hơn bắt buộc phải bỏ ra chi phí lớn để mua vật liệu sản xuất.

- Đối với việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại công ty việc sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất có nhiều chủng loại. Thêm vào đó giá cả thị trường luôn biến động nhưng hiện tại công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc đó có thể gây ra rủi ro trong việc tính giá thành sản phẩm làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Nhân viên phòng kế toán còn có yếu kém trong việc tiếp nhận các ứng dụng mới nên gây ra những hạn chế trong công tác nghiệp vụ và chưa phù hợp với sự phát triển của công ty.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP HỒNG PHÚ

3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú.

Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn của các nhà đầu tư nhằm nâng cao năng lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Định hướng phát triển của công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú, với những nội dung sau:

- Xây dựng công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế .

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp tại Công ty. Tiến hành ứng dụng công nghệ truyền hình trong hội nghị giao ban trực tuyến, triển khai áp dụng các phần mềm tiên tiến trong công tác quản lý, điều hành như phần mềm quản lý văn bản, nhân sự, quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú

Để phát huy hơn nữa vai trò của kế toán nguyên vật liệu trong quản lý, em xin được đề xuất một số ý kiến nhằm củng cố hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

❖ Thứ nhất, ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán

Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Hiện nay, công nghệ phát triển không ngừng tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý kế

toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hóa công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa, việc áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng cho tất cả các phần hành kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Để ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào công tác kế toán, cũng như để nâng cấp phần mềm kế toán, công ty cần tổ chức trang bị thiết bị, phương tiện kỹ thuật tiên tiến, kiến thức tin học cho bộ phận kế toán để kế toán viên có thể sử dụng thành thạo thiết bị, vận hành được các chương trình trên thiết bị từ đó phục vụ tốt cho công tác kế toán.

Phần mềm kế toán sử dụng phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, được thiết kế phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay, công ty đang sử dụng phần mềm MISA.SME.NET 2019 nên các chức năng không đáp ứng đủ cho việc thực hiện công tác kế toán. Ví dụ như phiên bản SME 2019 không đáp ứng một số chức năng về chương trình tự động hóa giao diện, không đáp ứng giao diện tiếng anh, lập tờ khai thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Vì vậy, công ty nên nâng cấp lên phần mềm MISA.SME.NET.2021 để có nhiều chức năng, đáp ứng cho công việc mang lại nhiều hiệu quả.



Hình 3.1. Giao diện phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2021.

Thứ hai, Công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập phiếu giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng như nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Mẫu phiếu giao nhận chứng từ:

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP HOẶC XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Từ ngày... tháng... đến ngày ... tháng ...

(Đvt: đồng)

| Nhóm vật tư | Số lượng | Số hiệu chứng từ | Số tiền |
|--------------------|-----------------|-------------------------|----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Cát Tường, ngày ... tháng ... năm ...

Người nhận

(Ký, họ tên)

Người giao

(Ký, họ tên)

Ví dụ: Căn cứ vào HĐ GTGT số 000024 ngày 03/02/2022, sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho đồng thời viết phiếu giao nhận chứng từ nhập kho. Khi nhận được các chứng từ này kế toán kiểm tra, đối chiếu, dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho số 21.

Đơn vị: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

Địa chỉ: Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP HOẶC XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 28 tháng 02

(Đvt: đồng)

| Nhóm vật tư | Số lượng | Số hiệu chứng từ | Số tiền |
|---------------------|-----------------|-------------------------|----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| Xi măng Hoàng Thạch | 5 tấn | PN21 | 8.750.000 |
| | | | |
| | | | |

Cát Tường, ngày 03 tháng 02 năm 2022

Người nhận

(Ký, họ tên)

Người giao

(Ký, họ tên)

Ví dụ: Căn cứ vào giấy đề nghị cung cấp vật tư số 12 ngày 15/02/2022, lập phiếu xuất kho số 15, đồng thời viết phiếu giao nhận chứng từ liên quan đến việc xuất kho vật liệu vào chi phí.

Đơn vị: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú

Địa chỉ: Thôn Phú Gia, Cát Tường, Phù Cát, Bình Định

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP HOẶC XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 28 tháng 02

(Đvt: đồng)

| Nhóm vật tư | Số lượng | Số hiệu chứng từ | Số tiền |
|--------------------|-----------------|-------------------------|----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| Đá chẻ 10x20 | 7.000 viên | PX15 | 32.361.539 |
| | | | |
| | | | |

Cát Tường, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Người nhận

(Ký, họ tên)

Người giao

(Ký, họ tên)

❖ *Thứ ba, về công tác quản lý nguyên vật liệu*

Quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua vận chuyển, bảo quản đến khi sản xuất. Muốn nâng cao chất lượng bảo quản NVL công ty cần áp dụng các biện pháp thông qua việc giao trách nhiệm cho từng khâu, từng người, xây dựng và kiểm tra định mức tiêu hao NVL đối với từng loại sản phẩm. Đây là vấn đề cốt lõi trong quản lý nguyên vật liệu của quá trình sản xuất kinh doanh. Liên tục kiểm tra quá trình sản xuất ngăn chặn kịp thời các hiện tượng mất mát sử dụng lãng phí NVL, giảm tỷ lệ phế phẩm, từ đó làm giảm chi phí nguyên vật liệu. Công ty cần có những biện pháp xử phạt tài chính nghiêm khắc đối với người có hành vi vi phạm.

Bên cạnh đó, bộ phận thu mua phải độc lập với các bộ phận khác. Bộ phận thu mua chỉ nên đặt hàng khi có phiếu đề nghị mua hàng và trên phiếu phải có chữ ký của người có thẩm quyền. Đơn đặt hàng có thông tin liên quan đến số lượng, quy cách, giá cả,... của hàng hóa. Các liên của đơn đặt hàng này nên được chuyển đến phòng kế toán và phòng đề nghị mua hàng để giúp kiểm tra nhận hàng và thanh toán sau đó.

Công ty nên giám sát chặt chẽ nhân viên thu mua và có những quy định riêng về hình thức khen thưởng nếu nhân viên thu mua hoàn thành tốt công việc. Quy định xử phạt thật nghiêm khắc nếu nhân viên bộ phận này xảy ra gian lận.

Bạn hàng lâu năm với nhà cung cấp truyền thống cũng là yếu tố quan trọng góp phần vào thành công của hoạt động SXKD, nhưng trong kinh doanh lấy hiệu quả kinh tế làm nền tảng thì công ty nên nghiên cứu thêm hệ thống các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để đảm bảo nguồn đầu vào NVL được ổn định về chất lượng, giá cả trong suốt chu kỳ kinh doanh.

Công ty nên bảo quản NVL, đặc biệt là NVL để ngoài trời. Đối với NVL có kích thước nhỏ thì nên để trong kho bảo quản. Đối với NVL cồng kềnh như sắt, thép... do kích thước lớn không thể được trong kho thì nên tập trung gọn vào một chỗ và che đậy cẩn thận, làm được điều này thì công ty sẽ hạn chế được tối đa NVL bị hư hỏng, mất mát,... Ngoài ra, nguyên vật liệu của công ty còn nhiều chủng loại khác nhau nên công ty cần chú trọng đến các kho, bến bãi để bảo quản nguyên vật liệu được đảm bảo. Công ty cần xây dựng thêm kho để bảo quản nguyên vật liệu tránh hư hỏng gây thiệt hại cho công ty. Ngoài ra, kho đã được xây dựng lâu năm công ty phải kiểm tra và tu sửa lại cho đảm bảo có thể giữ gìn và bảo quản nguyên vật liệu tốt hơn. Đối với những nguyên vật liệu đặc biệt cần có chế độ bảo quản riêng tuân thủ theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất hoặc tư vấn chuyên môn để tránh gây hư hỏng và ảnh hưởng đến nguyên vật liệu, cần có một hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp và phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý đảm bảo tính an toàn cho từng nguyên vật liệu.

Bên cạnh đó, công ty cần chú ý hoàn thiện các thủ tục nhập-xuất nguyên vật liệu. Khi mua NVL về thì có hai trường hợp xảy ra:

Thứ nhất, NVL mua về nhập kho dự trữ. Khi đó, công ty vẫn tiến hành các thủ tục nhập kho như bình thường và sau đó theo yêu cầu sản xuất tiến hành xuất kho NVL.

Thứ hai, do yêu cầu sử dụng NVL ngay nên NVL mua về được chuyển thẳng tới chân công trình. Trong trường hợp này, mặc dù không nhập kho nhưng vẫn thực hiện các thủ tục nhập, xuất NVL như mua NVL nhập kho. Như vậy, có thể thấy rằng việc thực hiện các thủ tục nhập, xuất NVL (NVL sử dụng ngay, không nhập kho) chỉ mang tính hình thức, rườm rà, tốn thời gian. Vì vậy, nếu được thì công ty chỉ cần thủ tục kiểm nghiệm NVL và lập Biên bản giao nhận NVL. Biên bản giao nhận này được dùng làm căn cứ hạch toán chi phí thay cho phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.

Biên bản sẽ được lập ngay tại chỗ giao nhận nguyên vật liệu; sau đó, hóa đơn và biên bản giao nhận sẽ được chuyển lên phòng kế toán để làm căn cứ ghi sổ.

Mẫu Biên bản giao nhận nguyên vật liệu.

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Căn cứ Hợp đồng mua bán giữa

Căn cứ Đơn đặt hàng ngày.....của Công ty

Hôm nay, ngàytháng năm tại, chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên nhận hàng):

- Địa chỉ :

- Điện thoại :

- Đại diện Ông/bà:..... Chức vụ:

BÊN B (Bên giao hàng):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Đại diện Ông/bà Chức vụ:

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng giao hàng như sau:

| STT | Tên hàng | Quy cách | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------|----------|-----|----------|---------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Bên A xác nhận Bên B đã giao cho Bên A đúng chủng loại và đủ số lượng hàng như trên.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

❖ **Thứ tư, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Trong nền kinh tế thị trường khi mà giá cả và chất lượng là 2 nhân tố quyết định trong việc cạnh tranh thì việc lập nên các khoản dự phòng sẽ là một bước đi đúng đắn cho các doanh nghiệp nhằm khẳng định vị thế của mình và tạo nên một sự ổn định trong quá trình sản xuất và phát triển bền vững của công ty.

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị NVL tồn kho với giá thị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác. Ngoài ra, nguyên vật liệu tại công ty có nhiều loại, có giá trị lớn mà giá cả thị trường thường xuyên biến động. Vì vậy, để chủ động trong các trường hợp rủi ro giảm giá vật tư hàng hóa công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị vật liệu cũng như hàng hóa trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các điều kiện: Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có bằng chứng về các vật liệu tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính, có giá trị thường thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán. Trước khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá của vật liệu tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư,} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư, hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập BCTC} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có thể} \\ \text{thực hiện được của} \\ \text{hàng tồn kho} \end{array} \right.$$

Việc lập dự phòng giảm giá phải tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu.

- Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hoá, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

Định khoản: Nợ TK 632

Có TK 2294

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

Định khoản: Nợ TK 2294

Có TK 632

Ví dụ: Cuối năm 2021, giá 1 bao xi măng Hoàng Thạch trên thị trường còn 1.750.000 đồng/tấn. Trong khi đó giá ghi trên sổ của công ty là 1.800.000 đồng/tấn, trong kho còn dự trữ 7 tấn. Khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho loại vật liệu này là:

$1.800.000 - 1.750.000 = 50.000$ đồng/tấn.

Mức trích lập dự phòng: 50.000 (đồng/kg) * 7 (kg) = 350.000 đồng.

Như vậy, kế toán sẽ định khoản cho vật liệu này:

Nợ TK 632: 350.000

Có TK 2294: 350.000

Việc lập dự phòng giảm giá được tính riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu.

❖ **Thứ năm, Đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên**

Phải tiến hành tổ chức, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cũng như sử dụng phần mềm kế toán cho nhân viên thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Để giảm bớt chi phí thì công ty nên tổ chức cùng với các công ty khác để đạt hiệu quả cao hơn.

Đào tạo là quá trình học tập nhằm mục đích giúp người lao động thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ trong công việc hiện tại bằng cách cung cấp cho họ những kiến thức, kỹ năng cần thiết để nâng cao trình độ, chuyên môn. Đào tạo là một nỗ lực thường xuyên nhằm tăng khả năng lao động của bản thân cá nhân nói riêng, năng lực hoạt động của toàn tổ chức nói chung. Là công tác trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực và liên quan chặt chẽ tới các yếu tố còn lại khác như hoạch định sự nghiệp, phát triển tổ chức, đánh giá hoạt động của từng cá nhân và toàn tổ chức.

- Các hình thức đào tạo

+ Đào tạo mới: Dành cho người chưa có nghề và bắt đầu bước vào nghề. Ở hình thức đào tạo này, phải dạy cho người lao động những kỹ năng đầu tiên cơ bản nhất. Đây là sự khởi đầu nghề nghiệp của một người lao động do đó với họ mọi thứ đều mới mẻ nên rất cần sự hướng dẫn tỉ mỉ để có thể làm việc thành thạo.

+ Đào tạo bổ sung: Do công nghệ thay đổi, biến động của thị trường ngành nghề...mà những kỹ năng công việc cũ không còn phù hợp nữa nên doanh nghiệp phải tiến hành đào tạo lại cho họ kiến thức mới để đảm nhận được công việc. Khoa học công nghệ ngày càng phát triển cùng với đó là sự hội nhập nền kinh tế toàn cầu theo đó có sự biến động, các kỹ năng trong nghề đã trở thành lạc hậu, do đó yêu cầu được đào tạo bổ sung trở thành vấn đề cấp thiết.

+ Đào tạo nâng cao: Trang bị thêm cho họ kiến thức và kinh nghiệm để họ có cơ hội phát triển đảm nhận những vị trí cao hơn trong thời gian tới. Hình thức đào tạo này có thể do tổ chức mở rộng quy mô hoạt động, cần đào tạo thêm đội ngũ cán bộ quản lý hoặc nhu cầu học tập cao của người lao động. Thường được áp dụng với những người đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ hiện tại của mình. Nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó quan trọng nhất là cơ sở vật chất và khả năng tiếp thu của mỗi cá nhân.

- Xây dựng tài liệu đào tạo

Công tác đào tạo nội bộ trong doanh nghiệp vật liệu xây dựng có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác xây dựng tài liệu đào tạo. Việc xây dựng tài liệu phục thuộc vào hình thức đào tạo mà doanh nghiệp lựa chọn triển khai. Các bước xây dựng tài liệu đào tạo:

+ Bước 1: Xác định hình thức, đối tượng, nội dung đào tạo là 3 yếu tố ảnh hưởng tới việc xây dựng tài liệu ví dụ như đối tượng đào tạo là công nhân thì các tài liệu xây dựng cần được trực quan hóa, sử dụng nhiều hình ảnh minh họa.

+ Bước 2: Đề cương đưa các nội dung chính dự kiến sẽ xây dựng, cần đảm bảo tính logic, hệ thống kiến thức; có đầy đủ các nội dung sẽ đào tạo cũng như đáp ứng được tiêu chuẩn đầu ra của khóa học.

+ Bước 3: Xây dựng nội dung đào tạo theo đề cương.

+ Bước 4: Các tài liệu sau khi được xây dựng, cần tổ chức đánh giá, việc đánh giá nên sử dụng các chuyên gia để đảm bảo nội dung, khi cần thiết nên sử dụng các chuyên gia bên ngoài của tổ chức để đảm bảo tính khách quan.

+ Bước 5: Trong quá trình sử dụng, cần thường xuyên cập nhật các nội dung trong tài liệu, cũng như bổ sung thêm các thay đổi, xu hướng đào tạo mới

Bên cạnh đó, động viên, khen thưởng sẽ giúp cho người lao động hào hứng hơn trong công việc – đây cũng là một giải pháp tối ưu. Nguồn nhân lực chính là nguồn lực đóng vai trò then chốt với sự thành công của mỗi doanh nghiệp. Để đạt được kết quả tuyệt vời, mỗi nhà lãnh đạo cần có một chiến lược đúng đắn để kiến tạo và duy trì nhiệt

huyết của nhân viên. Và sau đây là các cách để thực hiện động viên, khuyến khích cá nhân làm việc hiệu quả:

+ Chia sẻ tầm nhìn của tổ chức với mỗi nhân viên: Đừng ngần ngại chia sẻ tầm nhìn của tổ chức với nhân viên. Việc nhận thức được tầm nhìn cụ thể của đơn vị sẽ là động lực để mỗi thành viên có động lực phấn đấu và trở thành những nhân tố thành công cho tập thể.

+ Khiến nhân viên nhận ra họ luôn được ghi nhận: Một trong những nhu cầu lớn nhất của mỗi người là nhu cầu được ghi nhận. Thường xuyên đánh giá và trân trọng thành quả công việc của mọi người cũng chính là cách cổ vũ nhân viên phấn đấu hơn nữa trong công việc.

+ Hỗ trợ ý tưởng mới: Mọi ý tưởng luôn cần được trân trọng đặc biệt là các ý tưởng mới lạ và độc đáo. Hãy cho mọi người cơ hội đề xuất ý kiến và chắc chắn bạn sẽ ngạc nhiên trước khả năng sáng tạo của nhân viên mình.

+ Đưa ra những nhiệm vụ đầy thách thức: Nhân viên của đơn vị không thể phát triển nếu họ liên tục làm các công việc gồng nhau trong thời gian dài. Vậy tại sao lãnh đạo lại không đưa ra các nhiệm vụ mới hơn với yêu cầu cao hơn, nhưng đồng thời phải đảm bảo các nhiệm vụ có thể hoàn thành được trong khả năng của người đó, để tạo thêm động lực cho nhân viên phát triển.

+ Trao quyền cho nhân viên: Làm mọi việc sẽ khiến quá tải, mặt khác, lãnh đạo cũng không thể giúp nhân viên có thể phát huy năng lực cá nhân được. “Chìa khóa” để giải quyết vấn đề chính là hãy dần dần trao quyền cho nhân viên của mình. Bên cạnh đó, bạn đừng quên hỗ trợ nhân viên, cũng như có kế hoạch đánh giá hợp lý để đảm bảo kết quả cuối cùng.

+ Quản lý từng cá nhân theo nét riêng: Mỗi người đều có điểm mạnh và điểm yếu. Ai đó có thể vô cùng thu hút khi nói trước công chúng, trong khi người kia có kỹ năng viết tuyệt vời. Chủ động mang đến cho các thành viên cơ hội để “tỏa sáng” với thế mạnh của họ. Chắc chắn mọi người sẽ tự tin hơn khi được nhà quản lý động viên trong các hoạt động hay công việc.

Tạo sự cạnh tranh lành mạnh: Với mục đích này, người lãnh đạo có thể sử dụng hiệu quả hệ thống khen thưởng của công ty. Mọi người hăng hái hơn khi biết rằng các nỗ lực của mình sẽ mang đến phần thưởng xứng đáng. Cần đảm bảo rằng hệ thống khen thưởng hoàn toàn minh bạch cho tất cả mọi người.

+ Đảm bảo và duy trì một môi trường làm việc tốt: Nghiên cứu cho thấy môi trường làm việc quan trọng hơn đối với nhân viên so với tiền bạc. Đây là cơ hội tuyệt

vời để tổ chức tạo động lực cho nhân viên bằng cách tạo ra môi trường làm việc trở thành nơi làm việc tuyệt vời, nghỉ ngơi và vui chơi cùng một lúc.

+ Tạo ra và duy trì tinh thần đồng đội: Nhóm giống như một gia đình, nơi hỗ trợ lẫn nhau và tin tưởng là những giá trị quan trọng nhất. Việc tổ chức các hoạt động nhóm tốt sẽ giúp đơn vị có được thành công.

❖ **Ngoài ra, còn có những giải pháp sau:**

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới.
- Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời.
- Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng.
- Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban.
- Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hoá công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc.
- Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

3.3. Một số kiến nghị đến tổ chức, cơ sở và cơ quan có thẩm quyền.

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến các doanh nghiệp trong cả nước nói chung và công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú nói riêng. Tuy đã có những chính sách để phục hồi và phát triển kinh tế nhưng năm 2022 các doanh nghiệp xây dựng vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thiếu lao động, thiếu vốn, giá nguyên vật liệu tăng cao. Vì vậy, các kiến nghị sau đây đến các tổ chức, cơ sở và cơ quan có thẩm quyền để các doanh nghiệp có thể phục hồi và phát triển.

Thứ nhất, đưa ra các biện pháp nhanh chóng bình ổn giá nguyên vật liệu cho ngành xây dựng.

Thứ hai, gia hạn kiểm tra thuế để giảm bớt áp lực cho doanh nghiệp; miễn giảm thuế, phí, kéo dài thời gian nộp thuế, lệ phí; gia hạn, lùi thời gian nộp thuế cho doanh nghiệp; giảm mức tính lãi chậm nộp thuế cho doanh nghiệp;

Thứ ba, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn bằng cách tiếp tục kéo dài thời gian giảm lãi suất vay ngân hàng, hỗ trợ vay ngân hàng lãi suất thấp; thủ tục vay vốn ngân hàng thuận lợi, nhanh chóng hơn.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính công, đơn giản hóa thủ tục trình tự cấp giấy phép xây dựng để các công trình, dự án được thi công đúng tiến độ, tạo lập nhiều kênh thông tin để lắng nghe và chia sẻ, phản hồi lại các ý kiến của doanh nghiệp, tạo điều kiện tối đa để doanh nghiệp phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Trong sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, cùng với những chính sách nhằm giúp các doanh nghiệp đứng vững trên thị trường là tiền đề giúp các doanh nghiệp ngày càng mở rộng về quy mô, hoàn thiện về bộ máy tổ chức. Và hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán cả về quy mô lẫn năng lực đóng vai trò quan trọng- đây là người giúp việc đắc lực trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh, tài chính đối với Giám đốc.

Qua một thời gian thực tập tại Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú với nội dung báo cáo, em được học hỏi rất nhiều điều; đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu trong công ty. Kế toán nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong việc quản lý, sử dụng vật tư tiết kiệm có hiệu quả, chất lượng của công tác kế toán nguyên vật liệu quyết định đến chất lượng của công trình, đến tính kịp thời chính xác của hạch toán giá thành. Do vậy để hạch toán giá thành chính xác không thể thiếu được hạch toán chính xác nguyên vật liệu.

Trong thời gian thực tập tại công ty, em đã có cho mình những kiến thức, kinh nghiệm thực tế và hoàn thành bài báo cáo của mình. Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh và các anh, chị trong phòng Tài chính- Kế toán đã giúp em hoàn thành bài báo cáo của mình.

Với nội dung trình bày trong bài báo cáo của mình sẽ không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô cùng các anh chị phòng tài chính- kế toán để bài báo cáo này được hoàn thiện hơn và giúp cho bản thân em thêm những kinh nghiệm quý báu, làm tiền đề cho công việc thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Quy Nhơn, ngày 03 tháng 06 năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Ánh Trang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2014), Thông tư 200/2014/TT - BTC ban hành 22/12/2014 về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp, Hà Nội.
2. Nguồn tài liệu từ phòng Tài chính- Kế toán của Công ty TNHH Xây Dựng Tổng Hợp Hồng Phú.
3. Nguyễn Văn Công(2006), *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
4. Trần Thị Cẩm Thanh (2014), *Tổ chức hạch toán kế toán*, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia - Sự Thật, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH xây dựng tổng hợp Hồng Phú giai đoạn 2019 – 2021.

(Đvt: VND)

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2021 | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|-------|---------------|---------------|---------------|
| 1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 1.889.459.090 | 8.582.889.263 | 6.282.409.092 |
| 2.Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | 0 | 0 | 0 |
| 3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 1.889.459.090 | 8.582.889.263 | 6.282.409.092 |
| 4.Giá vốn hàng bán | 11 | 1.637.887.366 | 7.858.815.097 | 5.561.667.766 |
| 5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | 251.571.724 | 724.074.166 | 720.741.326 |
| 6.Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 29.740 | 307.710 | 238.736 |
| 7.Chi phí tài chính | 22 | 25.641.000 | 0 | 0 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 25.641.000 | 0 | 0 |
| 8.Chi phí bán hàng | 25 | 0 | 0 | 0 |
| 9.Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 316.732.758 | 629.697.563 | 506.539.459 |
| 10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-(25+26) | 30 | -90.772.294 | 94.684.313 | 214.440.603 |
| 11.Thu nhập khác | 31 | 0 | 0 | 0 |
| 12.Chi phí khác | 32 | 0 | 0 | 0 |
| 13.Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 0 | 0 | 0 |
| 14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40) | 50 | (90.772.294) | 94.684.313 | 214.440.603 |
| 15.Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 0 | 13.255.804 | 42.888.121 |
| 16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 0 | 0 | 0 |
| 17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | (90.772.294) | 81.428.509 | 171.552.482 |

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)